

VT

1317

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
VIỆN NGHIÊN CỨU LẬP PHÁP

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KẾ THỪA, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

QUỐC HỘI

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KẾ THỪA, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KẾ THỪA, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
1979 - 2016

QUỐC HỘI
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mã số: 9(V)2
CTQG-2016

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
VIỆN NGHIÊN CỨU LẬP PHÁP

328.597

QU 451 H

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KẾ THỪA, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

VT/1317

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2016

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân

Chủ tịch Quốc hội khóa XIV

TS. Nguyễn Sinh Hùng

Chủ tịch Quốc hội khoá XIII

BAN BIÊN SOẠN

TS. Ưông Chu Lưu - Chủ biên

TS. Nguyễn Đình Quyền

ThS. Nguyễn Hạnh Phúc

GS.TS. Phan Trung Lý

PGS.TS. Đinh Xuân Thảo

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Văn Giàu	TS. Lê Minh Hồng	ThS.NCS. Nguyễn Thị Dung
PGS.TS. Lê Minh Thông	ThS. Vũ Tiến Thản	ThS. Nguyễn Thị Hồng Chương
PGS.TS. Hoàng Văn Tú	TS. Nguyễn Minh Sơn	ThS. Lê Thanh Hoàn
TS. Đặng Xuân Phương	ThS. Mai Thị Phương Hoa	ThS. Nguyễn Thanh Hà
TS. Hà Minh Sơn	ThS. Vũ Thị Lưu Mai	ThS. Đào Thu Thành
ThS. Nguyễn Văn Phúc	TS. Phạm Ngọc Lâm	CN. Đỗ Đức Huy
TS. Phùng Văn Hùng	TS. Nguyễn Ngọc Sơn	ThS. Lê Hoàng Anh
ThS. Nguyễn Ngọc Bảo	ThS. Lê Văn Bình	CN. Lê Thị Thanh Hương
ThS. Nguyễn Hữu Đức	ThS. Thái Quỳnh Mai Dung	ThS. Phạm Ngọc Hải
ThS. Nguyễn Văn Cảnh	ThS. Phạm Hữu Duệ	CN. Nguyễn Duy Linh
TS. Ngô Đức Mạnh	TS. Vũ Hải Long	CN. Nguyễn Hà Thanh
CN. Đặng Văn Chiến	ThS. Trịnh Minh Chiến	ThS. Trần Thị Kim Thoa
TS. Nguyễn Thanh Hồng	ThS. Nguyễn Thị Mai Thoa	ThS. Nguyễn Thị Hồng Huệ
TS. Bùi Đặng Dũng	ThS. Vũ Khắc Định	ThS. Trần Thanh Dũng
GS.TS. Trần Ngọc Đường	ThS. Phạm Thái Yên	ThS.NCS. Đỗ Tiến Dũng
TS. Bùi Ngọc Thanh	ThS. Vũ Lê Thu Trang	ThS. Đỗ Ngọc Duy
CN. Phan Minh Tuấn	ThS. Đỗ Thúy Bình	CN. Nguyễn Thị Hà

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ngày 06-01-1946 đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một mốc son chói lọi, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về thể chế dân chủ, mở ra một thời kỳ phát triển mới về thể chế chính trị ở Việt Nam. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử cũng đánh dấu sự ra đời của Quốc hội Việt Nam, một thiết chế dân chủ, thiết chế trụ cột trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Qua 70 năm hình thành và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, tiếp tục đổi mới, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và thực chất; ngày càng khẳng định vững chắc vị trí, vai trò là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Để nhìn lại những thành tựu của 13 khóa Quốc hội trong suốt chặng đường 70 năm lịch sử, đặc biệt là sự tiếp tục kế thừa, đổi mới, phát triển, nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII vừa qua, qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm và phương hướng mới trong tổ chức và hoạt động cho nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV (2016-2021), nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Viện nghiên cứu lập pháp xuất bản cuốn sách ***Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Kế thừa, đổi mới và phát triển***.

Cuốn sách gồm 5 chương, mỗi chương khái lược những kết quả quan trọng của 13 nhiệm kỳ Quốc hội Việt Nam và những hoạt động đang được tiếp tục kế



thừa ở Quốc hội khóa XIV, nêu lên bài học kinh nghiệm và những vấn đề còn để ngỏ để Quốc hội khóa tiếp theo tiếp tục đổi mới, phát triển, hoàn thiện.

Cuốn sách sẽ là cẩm nang, là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho mỗi vị đại biểu Quốc hội, cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách, pháp luật và bạn đọc rộng rãi có nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu hoặc quan tâm đến hoạt động của Quốc hội.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!

Tháng 10 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Từ cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946 đến nay, Quốc hội Việt Nam đã trải qua 70 năm hình thành và phát triển, 70 năm đồng hành cùng dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước cũng như trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Với 13 nhiệm kỳ đã qua và đang bước vào nhiệm kỳ thứ 14, Quốc hội Việt Nam luôn mang trong mình sứ mệnh thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng Việt Nam trong mỗi giai đoạn phát triển. Mỗi đạo luật, mỗi nghị quyết, mỗi quyết định quan trọng của Quốc hội đều gắn liền với vận mệnh của quốc gia, dân tộc, với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nên luôn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa “ý Đảng, lòng Dân”. Mỗi thành quả của Quốc hội là kết tinh sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; là niềm tin, sự gửi gắm, đồng thuận, đồng tình, ủng hộ của Nhân dân và toàn xã hội.

Qua 70 năm hình thành và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện các quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội khóa I (1946-1960) đã đóng góp to lớn vào công cuộc củng cố nền độc lập, xây dựng một Nhà nước dân chủ cộng hòa từ những năm tháng đầu tiên sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công. Ngay sau khi được bầu, tại kỳ họp đầu tiên, Quốc hội đã thành lập được một Chính phủ hợp hiến, hợp pháp



do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và “trao quyền bính cho chính quyền ấy”, bảo đảm cho Chính phủ đủ uy tín, hiệu lực để tổ chức Nhân dân kháng chiến, kiến quốc, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi hoàn toàn. Trong nhiệm kỳ 14 năm hoạt động, Quốc hội khoá I đã xem xét, thông qua hai bản Hiến pháp, đó là Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, cùng 16 đạo luật và 50 nghị quyết, trong đó có những đạo luật quan trọng như Luật cải cách ruộng đất, Luật quy định quyền tự do hội họp, Luật quy định quyền lập hội, Luật bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật và thư tín của Nhân dân, Luật về chế độ báo chí...

Quốc hội khóa II (1960-1964), khóa III (1964-1971), khóa IV (1971-1975) và khóa V (1975-1976) hoạt động trong một thời kỳ lịch sử hào hùng của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đã triển khai thực hiện đường lối, nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng và Hiến pháp năm 1959, quyết định nhiều chính sách quan trọng của đất nước, góp phần to lớn vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, xứng đáng với lời biểu dương của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Quốc hội ta đã hết lòng vì dân, vì nước, đã làm trọn một cách vẻ vang nhiệm vụ của những người đại biểu của nhân dân”¹.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, khi non sông đã thu về một mối, ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI (1976-1981) đã được tiến hành trên cả nước. Từ đây, chúng ta có Quốc hội của một nước Việt Nam thống nhất, huy động sức mạnh của toàn dân tộc vào quá trình khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Quốc hội khóa VI (1976-1981), khóa VII (1981-1987) hoạt động trong thời kỳ cả nước có những thuận lợi đan xen với khó khăn, thử thách. Quốc hội giai đoạn này đã để lại những dấu ấn quan trọng như quyết định lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm khẳng định Việt Nam là một nước độc lập, thống nhất, định hướng xã hội chủ nghĩa; quy định Quốc kỳ, Quốc huy, Thủ đô và Quốc ca của nước Việt Nam thống nhất; xem xét thông qua Hiến pháp năm 1980; quyết định phân vạch địa giới hành chính các tỉnh, thành phố...

Quốc hội khóa VIII (1987-1992) là Quốc hội của giai đoạn khởi đầu của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.12, tr.550.



của Đảng đề ra nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ quốc tế, đưa đất nước sớm ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vững bước tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa. Quốc hội đã thông qua 02 bộ luật, 25 đạo luật và Hội đồng Nhà nước đã ban hành 39 pháp lệnh, trong đó có nhiều đạo luật quan trọng thể chế hóa chính sách kinh tế mới như Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 mở đường cho việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 và Luật công ty năm 1990. Với hệ thống pháp luật về kinh tế được ban hành, bước đầu đã thu hút được nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, của khu vực tư nhân vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo tiền đề cho quá trình đổi mới trong lĩnh vực kinh tế của đất nước. Đồng thời, Quốc hội tiến hành sửa đổi Hiến pháp năm 1980 một cách cơ bản và toàn diện, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Hiến pháp mới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội khóa VIII xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 11 năm 1992 đã thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tạo cơ sở pháp lý đưa đất nước phát triển trong giai đoạn mới.

Hoạt động của Quốc hội khóa IX (1992-1997), khóa X (1997-2002), khóa XI (2002-2007), khóa XII (2007-2011) tiếp tục góp phần đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới sâu sắc và toàn diện, phát huy vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Điểm nổi bật của giai đoạn này là tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa X đã ban hành Nghị quyết số 51/2001/QH10 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (năm 2001). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

Quốc hội khóa XIII (2011-2016) hoạt động trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi cơ bản nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Quốc hội khóa XIII có vinh dự và trách nhiệm lớn trong việc kế thừa và phát huy những thành tựu và kinh nghiệm của 12 khóa Quốc hội trước đây,



bám sát đường lối, chủ trương của Đảng và thực tiễn sinh động của cuộc sống, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện dân cử cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Thành tựu lớn nhất trong hoạt động lập hiến, lập pháp của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII là việc xem xét thông qua bản Hiến pháp năm 2013 và 108 luật, bộ luật. Đây là nhiệm kỳ Quốc hội thông qua nhiều luật nhất. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã được ban hành trên cơ sở kế thừa, phát triển những giá trị cốt lõi, nền tảng của các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và 1992 và cụ thể hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với kết quả tổng kết thực tiễn qua 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện rõ tinh thần đề cao vai trò làm chủ của Nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; là bản Hiến pháp của thời kỳ đổi mới toàn diện, đồng bộ về kinh tế và chính trị, đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013, Quốc hội đã tích cực thực hiện hoạt động lập pháp, thể chế hóa kịp thời và đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, từng bước xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, tạo ra khung pháp lý cho việc hình thành và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng với hoạt động lập pháp, Quốc hội khóa XIII đã xem xét, quyết định nhiều vấn đề quan trọng của đất nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm bám sát yêu cầu thực tế, phát huy hiệu quả trong cuộc sống; tiến hành giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực thi pháp luật, góp phần bảo đảm để Hiến pháp, pháp luật phát huy hiệu lực trong cuộc sống. Hoạt động đối ngoại của Quốc hội được tăng cường, đạt kết quả thiết thực, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Quốc hội và Nhân dân Việt Nam với Quốc hội và Nhân dân các nước trên thế giới.

Bước tiếp truyền thống 70 năm lịch sử của Quốc hội Việt Nam, Quốc hội khóa XIV (2016-2021) có cơ sở tiền đề từ những thành công của 13 khóa Quốc hội để tiếp tục kế thừa, đổi mới và phát triển, nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam.



Để thấy được những thành tựu quan trọng của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong dòng chảy 70 năm lịch sử, lãnh đạo Quốc hội đã chỉ đạo biên soạn cuốn sách ***Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Kế thừa, đổi mới và phát triển***. Cuốn sách là dịp để nhìn lại sự kế thừa, đổi mới và phát triển không ngừng của Quốc hội Việt Nam qua mỗi nhiệm kỳ, đặc biệt là nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, đồng thời, cũng là dịp để nhận diện rõ hơn nhu cầu tiếp tục đổi mới, hoàn thiện ở Quốc hội khóa XIV và các khóa tiếp theo.

Cuốn sách *Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Kế thừa, đổi mới và phát triển* gồm 5 chương, mỗi chương khái lược những kết quả quan trọng của 13 nhiệm kỳ Quốc hội Việt Nam và những hoạt động đang được tiếp tục kế thừa ở Quốc hội khóa XIV, nêu lên bài học kinh nghiệm và những vấn đề còn để ngỏ để Quốc hội các khóa tiếp theo tiếp tục đổi mới, phát triển, hoàn thiện.

Chương I của cuốn sách đề cập đến quá trình hình thành, đổi mới và phát triển về cơ cấu tổ chức của Quốc hội trong suốt 13 nhiệm kỳ và đang được tiếp tục kế thừa ở Quốc hội khóa XIV. Theo đó, Quốc hội là cơ quan nhà nước duy nhất do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội ngay từ khóa I và các khóa tiếp theo luôn thể hiện tính đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, thể hiện khối đại đoàn kết toàn dân tộc, qua đó thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân. Cuốn sách khẳng định quá trình đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội luôn được tiến hành đồng bộ, có định hướng mục tiêu rõ ràng, bước đi thận trọng, chắc chắn và mang lại hiệu quả thiết thực.

Chương II của cuốn sách đề cập đến sự kế thừa, đổi mới và phát triển trong hoạt động lập hiến, lập pháp của Quốc hội Việt Nam. Hoạt động lập hiến, lập pháp của Quốc hội đã tạo lập nền tảng chính trị, pháp lý quan trọng cho sự phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và hội nhập quốc tế. Trải qua 13 khóa và đang được tiếp tục kế thừa, phát triển ở Quốc hội khóa XIV, hoạt động lập hiến, lập pháp của Quốc hội có nhiều tiến bộ cả về



số lượng và chất lượng, quy trình lập pháp có nhiều cải tiến, đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng, tăng tính dân chủ, công khai, minh bạch, cụ thể trong các văn bản pháp luật.

Chương III của cuốn sách đề cập đến sự kế thừa, đổi mới và phát triển của Quốc hội Việt Nam trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Đó là việc Quốc hội quyết định các vấn đề về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, về chủ trương đầu tư các dự án, công trình quan trọng quốc gia, về ngân sách nhà nước, về tổ chức bộ máy nhà nước, nhân sự cấp cao và địa giới hành chính, các vấn đề về quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... Cuốn sách khẳng định mỗi quyết định về vấn đề quan trọng của đất nước luôn quán triệt và thực hiện sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, luôn trọng dân, vì dân, bám sát đời sống của dân. Vì vậy, các quyết định của Quốc hội ngày càng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, vì lợi ích chung của đất nước, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của Nhân dân.

Chương IV của cuốn sách đề cập đến sự kế thừa, đổi mới và phát triển của Quốc hội Việt Nam trong hoạt động giám sát - một trong ba chức năng quan trọng của Quốc hội. Nội dung cuốn sách thể hiện hoạt động giám sát của Quốc hội qua các nhiệm kỳ đã có nhiều đổi mới, phạm vi giám sát phong phú, đa dạng, có trọng tâm, trọng điểm từ các vấn đề kinh tế vĩ mô đến những vấn đề dân sinh bức xúc, với nhiều hình thức cụ thể, thiết thực, sát với thực tiễn đời sống. Hoạt động giám sát của Quốc hội đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực thi pháp luật, góp phần bảo đảm để Hiến pháp, pháp luật phát huy hiệu lực trong cuộc sống.

Chương V của cuốn sách đề cập đến sự kế thừa, đổi mới và phát triển của Quốc hội trong hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế. Cuốn sách khẳng định hoạt động đối ngoại của Quốc hội Việt Nam ngày càng được tăng cường, đạt kết quả thiết thực, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Quốc hội và Nhân dân Việt Nam với Quốc hội và nhân dân các nước trên thế giới. Quốc hội Việt Nam đã tham gia tích cực, có trách nhiệm tại các diễn đàn liên Nghị viện thế giới và khu vực, góp phần duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy đối thoại và hợp tác.



Với gần 600 trang sách, chúng ta thấy được Quốc hội Việt Nam với bề dày truyền thống vẻ vang 70 năm lịch sử đang không ngừng trưởng thành, đổi mới và phát triển để hoạt động ngày càng dân chủ, hiệu lực, hiệu quả hơn, tiến tới một Quốc hội thực sự đoàn kết, sáng tạo và hành động vì lợi ích của Nhân dân, vì danh dự và lòng tự hào của dân tộc, vì sự phát triển bền vững của đất nước.

Trên cơ sở tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội khóa XIII Nguyễn Sinh Hùng, tập thể tác giả biên soạn gồm lãnh đạo Quốc hội cùng một số chuyên gia quản lý, tham mưu, nghiên cứu tại Viện nghiên cứu lập pháp, Ủy ban pháp luật, Ủy ban kinh tế, Ủy ban đối ngoại của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội đã dành trọn tâm huyết để hoàn thành cuốn sách này. Hy vọng cuốn sách sẽ là cẩm nang cho mỗi vị đại biểu Quốc hội, là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, các nhà nghiên cứu hoạch định chính sách, pháp luật và bạn đọc rộng rãi có nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu hoặc quan tâm đến hoạt động của Quốc hội.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 10 năm 2016

Nguyễn Thị Kim Ngân
Chủ tịch Quốc hội khóa XIV



Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân trong Lễ tuyên thệ nhậm chức

Ảnh: Báo ảnh Việt Nam



Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân

Ảnh: Đình Nam



Chủ tịch Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII Nguyễn Sinh Hùng

Ảnh: <http://quochoi.vn/>



Phó Chủ tịch Quốc hội Tổng Thị Phóng tham dự Hội nghị AIPA lần thứ 34 được tổ chức tại Brunei

Ảnh:TTXVN



Phiên họp thứ 46 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá XIII

Ảnh: TTXVN



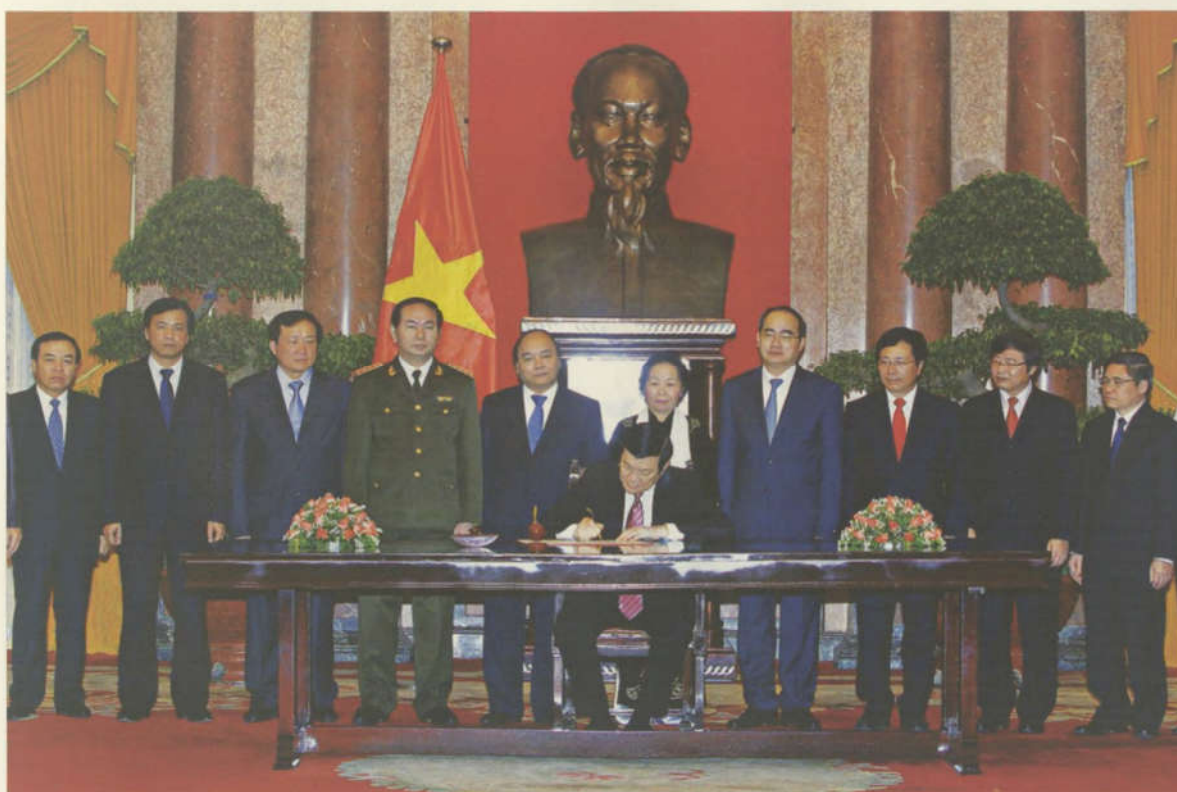
Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá XIV

Ảnh: Đình Nam



Chủ tịch Quốc hội khoá XIII Nguyễn Sinh Hùng ký chứng thực Hiến pháp năm 2013

Ảnh: Nhan Sáng - TTXVN



Chủ tịch nước nhiệm kỳ Quốc hội khoá XIII Trương Tấn Sang ký Lệnh số 18/2013/L-CTN về việc công bố Hiến pháp năm 2013

Ảnh: Nguyễn Khang - TTXVN



Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992
và thường trực Ban biên tập sửa đổi Hiến pháp năm 1992

Ảnh: Đình Nam



Quốc hội khoá XIII

Ảnh: TTXVN



Toà nhà Quốc hội

Ảnh: TTXVN



Khai mạc Đại hội đồng Liên minh Nghị viện thế giới lần thứ 132

Ảnh: Internet



Quốc hội khoá XI quyết định chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Ảnh: <http://quochoi.vn/>



Quốc hội khoá XIII quyết định chủ trương đầu tư xây dựng
Cảng hàng không quốc tế Long Thành

(Ảnh mô hình minh hoạ)

Chương I

KẾ THỪA, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN VỀ TỔ CHỨC QUỐC HỘI

I. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ ĐỔI MỚI VỀ TỔ CHỨC QUỐC HỘI

Quốc hội Việt Nam hình thành và phát triển trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “*Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống*”¹. Người cũng khẳng định: “*chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi*”². Hơn 70 năm qua, bộ máy nhà nước được xây dựng và hoàn thiện theo nguyên lý gắn bó mật thiết với Nhân dân, thực hiện ngày càng đầy đủ quyền dân chủ của Nhân dân; tôn trọng, lắng nghe ý kiến Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ và chịu sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.7.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.518.



giám sát của Nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phân nhiệm; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục đạo đức xã hội; kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí. Nhà nước quản lý xã hội không chỉ bằng uy quyền pháp luật, mà còn bằng tấm gương đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, làm cho dân phục, dân tin và nghe theo, làm theo. Đây là một nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là chủ trương đúng đắn của Đảng ta về quản lý xã hội, về nhà nước và pháp luật.

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Quốc hội nước ta được tổ chức theo mô hình là cơ quan đại diện cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, được Nhân dân thiết lập thông qua bầu cử. Mô hình tổ chức của Quốc hội cũng gắn liền với lịch sử lựa chọn mô hình, hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước dân chủ, theo yêu cầu phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân và bảo đảm để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước của mình.

Ngày 06-01-1946, cử tri cả nước đã bỏ phiếu bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với 333 đại biểu đại diện cho các đảng phái, dân tộc, các chính giới khác nhau, cùng với 70 đại biểu đặc cách đã hình thành nên tổ chức Quốc hội khóa I, viết nên trang sử đầu tiên của cơ quan đại diện dân chủ của Nhân dân Việt Nam. Từ Quốc hội khóa I với việc thành lập Ban thường vụ Quốc hội và Văn phòng Ban thường vụ Quốc hội, các Tiểu ban được tổ chức cho từng kỳ họp Quốc hội khác nhau với những nhiệm vụ cụ thể khác nhau, đến các nhiệm kỳ tiếp theo từ khóa II đến khóa XII, tổ chức bộ máy của Quốc hội đã dần được hình thành, phát triển và hoàn thiện hơn với các cơ cấu: Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban, Viện của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Văn phòng Quốc hội... Thành phần đại biểu Quốc hội cũng ngày càng đại diện rộng rãi hơn cho các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, gồm công nhân, nông dân, trí thức, đảng viên, người ngoài đảng, dân



tộc thiểu số, lực lượng vũ trang, phụ nữ, thanh niên, tôn giáo... Hai dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển của Quốc hội là Quốc hội khóa VI - nhiệm kỳ đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất và Quốc hội khóa VIII - Quốc hội của giai đoạn khởi đầu sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ quốc tế, đưa đất nước sớm ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; đây cũng là Quốc hội của việc khởi đầu quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong từng thời kỳ cách mạng khác nhau, Đảng đã có các chủ trương, chính sách về việc hoàn thiện, đổi mới tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và của Quốc hội nói riêng. Tổ chức bộ máy của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội đã được từng bước hoàn thiện, phù hợp và đáp ứng kịp thời với những đòi hỏi trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong mỗi bước phát triển của mình, những đổi mới về tổ chức của Quốc hội luôn được đặt trong tổng thể đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, đổi mới hệ thống chính trị, bảo đảm hiệu quả thiết thực trong việc thực hiện chức năng đại diện của Nhân dân, các chức năng của Nhà nước, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp theo định hướng của Đảng và các quy định của Hiến pháp. Sự phát triển về tổ chức của Quốc hội trong từng thời kỳ đều được phát huy và kế thừa những yếu tố hợp lý trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội các khóa trước đó, từng bước khắc phục những hạn chế, bất cập, tính hình thức trong thực tiễn hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước, Quốc hội nước ta đã không ngừng phát triển và hoàn thiện, hoạt động ngày càng dân chủ, thiết thực và có hiệu quả, có nhiều đổi mới cả trong tư duy và thực tiễn tổ chức, hoạt động, được cử tri và Nhân dân cả nước ngày càng tin tưởng. Những năm gần đây, tổ chức của Quốc hội đã có những đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ, góp phần bảo đảm cho những đổi mới về phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, bảo đảm phát huy đầy đủ vai trò của mỗi cơ cấu trong bộ máy của Quốc hội; đồng thời, tiếp tục phát huy dân chủ, tập hợp



trí tuệ, tinh thần đoàn kết, hợp tác, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà hoạt động thực tiễn và Nhân dân cả nước.

Quốc hội khoá XIII được cử tri cả nước bầu ra và hoạt động trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi cơ bản, đồng thời cũng đứng trước không ít khó khăn, thách thức. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân khẩn trương triển khai tổ chức thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011-2020) và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm (2011-2015) do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đề ra, phấn đấu để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và sớm trở thành một nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cả nước tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, trong đó có việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - nhân tố quyết định bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng chỉ rõ: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”¹.

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng với những mục tiêu cao cả và nhiệm vụ nặng nề đó, đặt ra yêu cầu khách quan là bộ máy nhà nước phải không ngừng hoàn thiện, làm cho Nhà nước ta thật sự là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, đổi mới cả về cơ cấu tổ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.85.



chức, cơ chế quản lý, phương thức hoạt động và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; khai thác tốt thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, đạt nhiều thành tựu mới. Cùng với cả hệ thống chính trị, Quốc hội khóa XIII có vinh dự và trách nhiệm lớn trong việc kế thừa và phát huy những thành tựu và kinh nghiệm của Quốc hội các khóa trước, bám sát đường lối, chủ trương của Đảng và thực tiễn sinh động của cuộc sống, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình để hoàn thành tốt hơn nữa trọng trách trước đất nước, cử tri và Nhân dân.

Kế thừa kết quả đạt được của Quốc hội khóa XIII, trong lần thứ hai tổ chức cuộc bầu cử chung để bầu đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, cử tri cả nước đã bầu ra 494 đại biểu Quốc hội. Cơ cấu, thành phần đại biểu đã phản ánh được tính đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân; chất lượng đại biểu được nâng lên, tỷ lệ đại biểu là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, trẻ tuổi, trình độ trên đại học cao hơn so với nhiệm kỳ trước¹... được kỳ vọng sẽ là nền tảng góp phần xây dựng cơ quan đại diện có đầy đủ năng lực hoạt động với chất lượng, hiệu quả cao

1. Theo Báo cáo tóm tắt tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia gửi đại biểu Quốc hội ngày 19-7-2016, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XIV như sau:

- Đại biểu là người dân tộc thiểu số: 86 người (tỷ lệ 17,30%); thấp hơn 04 người so với dự kiến, nhưng cao hơn so với khóa XIII (78 người, tỷ lệ 15,60%);
- Đại biểu là phụ nữ: 133 người (tỷ lệ 26,80%), thấp hơn 17 người so với số dự kiến, nhưng cao hơn so với khóa XIII (122 người, tỷ lệ 24,40%);
- Đại biểu là người ngoài Đảng: 21 người (tỷ lệ 4,20%), thấp hơn so với dự kiến và thấp hơn so với khóa XIII (42 người, tỷ lệ 8,40%);
- Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): 71 người (tỷ lệ 14,30%), cao hơn 21 người so với dự kiến và cao hơn so với khóa XIII (62 người, 12,40%);
- Đại biểu Quốc hội khóa XIII tái cử khóa XIV: 160 người (tỷ lệ 32,30%), bằng số đã dự kiến; thấp hơn so với khóa XIII (167 người, tỷ lệ 33,4%);
- Đại biểu tham gia Quốc hội lần đầu: 317 người (tỷ lệ 63,90%);
- Đại biểu đã từng là đại biểu Quốc hội các khóa trước: 19 người (tỷ lệ 3,83%);
- Đại biểu tự ứng cử: 02 người (tỷ lệ 0,4%); thấp hơn so với khóa XIII (04 người, tỷ lệ 0,8%);
- Đại biểu có trình độ trên đại học: 310 người (tỷ lệ 62,50%), cao hơn so với khóa XIII (229 người, tỷ lệ 45,80%); đại biểu có trình độ đại học: 180 người (tỷ lệ 36,30%), thấp hơn so với khóa XIII (262 người, tỷ lệ 52,40%); đại biểu có trình độ dưới đại học: 6 người (tỷ lệ 1,20%), thấp hơn so với khóa XIII (đại biểu có trình độ cao đẳng và trung cấp 9 người, tỷ lệ 1,80%).



hơn, đồng thời, tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện các quy định của Hiến pháp năm 2013¹ trong thời kỳ mới.

II. NHỮNG KẾ THỪA, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN VỀ TỔ CHỨC CỦA QUỐC HỘI KHÓA XIII

1. Về đại biểu Quốc hội

1.1. Về phát huy vai trò trung tâm của đại biểu Quốc hội

Quốc hội khóa XIII đã phát huy mạnh mẽ vai trò hạt nhân trung tâm của đại biểu Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là nhân tố quan trọng cấu thành nên các thiết chế của Quốc hội; các hoạt động của đại biểu Quốc hội tạo nên kết quả hoạt động chung của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội. Với vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng như vậy, trên cơ sở tổng kết thực tiễn việc thi hành Luật tổ chức Quốc hội năm 2001² (được sửa đổi, bổ sung năm 2007), Quốc hội khóa XIII đã tập trung thiết lập các quy phạm về vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội để tạo cơ chế, hành lang pháp lý phù hợp bảo đảm cho đại biểu Quốc hội thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình, từ đó, thực hiện chức năng đại diện, thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội, góp phần vào thành công chung của Quốc hội.

Thể chế hóa mục tiêu đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước, trong đó có tổ chức, hoạt động của Quốc hội được xác định rõ tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Hiến pháp năm 2013 đã có những quy định mới hết sức quan trọng về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, cụ thể là:

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28-11-2013 (sau đây viết tắt là Hiến pháp năm 2013).

2. Luật tổ chức Quốc hội năm 2001, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25-12-2001.



- Tiếp tục giữ quy định về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội như Hiến pháp năm 1992¹;

- Tiếp tục giữ quy định về thẩm quyền chất vấn của đại biểu Quốc hội như Hiến pháp năm 1992; bổ sung quyền chất vấn của đại biểu đối với Tổng Kiểm toán nhà nước²; sửa đổi quy định về việc trả lời chất vấn, theo đó, người bị chất vấn phải trả lời trước Quốc hội tại kỳ họp hoặc tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội; trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho trả lời bằng văn bản³.

- Quy định rõ trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đại biểu; bổ sung quy định đại biểu có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc các Ủy ban của Quốc hội⁴;

- Kế thừa và hoàn thiện các quy định về thẩm quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh và trình dự án luật, dự án pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội⁵.

Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật tổ chức Quốc hội ngày 20-11-2014⁶, đánh dấu một bước phát triển quan trọng của Quốc hội Việt Nam bằng những quy định cụ thể về Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội,

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 15-4-1992, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25-12-2001 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sau đây viết tắt là Hiến pháp năm 1992).

2. Khoản 1 Điều 80 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước”.

3. Khoản 2 Điều 80 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Người bị chất vấn phải trả lời trước Quốc hội tại kỳ họp hoặc tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội; trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho trả lời bằng văn bản”.

4. Khoản 1 Điều 82 Hiến pháp năm 2013.

5. Xem khoản 2 Điều 84 Hiến pháp năm 2013.

6. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01-01-2016).



Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Theo đó, vị trí và vai trò của đại biểu Quốc hội được thể hiện rất rõ, cụ thể là:

- Xác định đại biểu Quốc hội giữ vị trí hạt nhân trung tâm trong hoạt động của Quốc hội và được quy định tại Chương II của Luật; quy định cụ thể về tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội, có cơ chế thu hút những người đủ đức, đủ tài làm đại biểu Quốc hội; xác định tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 35% tổng số đại biểu Quốc hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiện toàn bộ máy của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các Đoàn đại biểu Quốc hội theo hướng chuyên nghiệp hơn;

- Quy định rõ hơn địa vị pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội nói chung, đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương và địa phương nói riêng. Theo đó, đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách phải dành toàn bộ thời gian làm nhiệm vụ của đại biểu, làm việc tại các cơ quan của Quốc hội hoặc tại Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương. Đối với các đại biểu hoạt động không chuyên trách, Luật cũng quy định trách nhiệm phải dành ít nhất một phần ba (1/3) thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu;

- Xác định các hình thức tổ chức hoạt động của đại biểu Quốc hội theo Đoàn đại biểu Quốc hội, tổ đại biểu Quốc hội, không tạo nên tầng nấc hành chính trong hoạt động của đại biểu Quốc hội.

Có thể nói, các quy định của pháp luật hiện hành đã giúp các đại biểu Quốc hội thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình trong các lĩnh vực lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và các hoạt động tại kỳ họp Quốc hội. Theo quy định, đại biểu Quốc hội có quyền trình dự án luật, kiến nghị về luật ra trước Quốc hội, dự án pháp lệnh ra trước Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định. Lần đầu tiên trong 13 khóa, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII đã có nhiều đổi mới quan trọng, có cơ chế để khích lệ các vị đại biểu Quốc hội mạnh dạn trình sáng kiến luật¹. Nhờ vậy, các đại biểu Quốc hội đã phát huy tốt vai

1. Trong kỳ họp thứ 9, tại phiên họp toàn thể sáng 27-5-2015 thảo luận về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016, đại biểu Trần Thị Quốc Khánh (Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội) đề xuất việc xây dựng Luật hành chính công.



trò, trách nhiệm người đại biểu nhân dân, đã cố gắng nỗ lực trong việc thực hiện trách nhiệm của mình, chấp hành tốt quy định của Luật tổ chức Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội và các văn bản pháp luật có liên quan; tích cực tham gia hoạt động tại các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội mà đại biểu Quốc hội là thành viên; đã triển khai nhiều hoạt động với tư cách cá nhân đại biểu Quốc hội để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Quốc hội thường xuyên gắn bó, nắm bắt ý kiến, kiến nghị của cử tri không những ở đơn vị bầu cử mà còn cả của cử tri ở nhiều địa phương khác trong cả nước, phát hiện các vấn đề bức xúc trong đời sống kinh tế - xã hội để đề xuất ý kiến; đẩy mạnh thực hiện quyền chất vấn trên tinh thần dân chủ, thẳng thắn xây dựng, hiệu quả... Đặc biệt, tại các kỳ họp Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội thực sự trở thành trung tâm của các kỳ họp, phát huy trách nhiệm cao trước Tổ quốc, Nhân dân trong thảo luận, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thể hiện chính kiến rõ ràng, trách nhiệm, thẳng thắn, công tâm, nhất là khi thảo luận về kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước; về những đạo luật lớn và khó về bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; cho ý kiến về những vấn đề lớn như về bảo vệ chủ quyền biển đảo; đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; việc đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành... Các đại biểu Quốc hội chuyên trách đã ngày càng khẳng định rõ vai trò là lực lượng nòng cốt để nâng cao hiệu lực, hiệu quả, chất lượng hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội.

1.2. Về cơ cấu, chất lượng đại biểu Quốc hội khóa XIII

Về cơ cấu, đại biểu Quốc hội khóa XIII đã bảo đảm được yêu cầu theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, có sự kế thừa giữa các khóa, bảo đảm hợp lý hơn về tỷ lệ, thành phần (đại biểu ở trung ương, địa phương, đại biểu nữ, đại biểu là người dân tộc thiểu số, số đại biểu tái cử, đại biểu không là đảng viên; đại biểu có trình độ từ đại học trở lên ngày càng tăng¹), phản ánh được tính đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân tham gia các cơ quan dân cử, góp phần quan trọng, thiết thực nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội khóa XIII.

1. Tỷ lệ đại biểu Quốc hội có trình độ từ đại học trở lên chiếm 98,2% (khóa XII là 95,9%).



Trình độ học vấn của đại biểu Quốc hội khóa XIII được nâng lên so với các nhiệm kỳ trước đây là điều kiện để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Tuyệt đại đa số đại biểu Quốc hội có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Việc kết hợp giữa tăng cường số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, chú trọng hơn tiêu chuẩn về trình độ, phẩm chất, năng lực của người ứng cử đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số đại biểu tái cử đã phát huy tốt năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm hoạt động của đại biểu trên các mặt công tác, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

Về việc tăng thêm số lượng đại biểu Quốc hội¹, đặc biệt là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách², đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc sắp xếp, tổ chức các tiểu ban, kiện toàn các nhóm công tác phụ trách các lĩnh vực chuyên môn khác nhau của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong điều kiện mỗi Ủy ban của Quốc hội đều có phạm vi hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực. Các vị đại biểu Quốc hội chuyên trách đã ngày càng khẳng định rõ vai trò là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, phù

1. Quốc hội khóa X (1997-2002) có 450 đại biểu, Quốc hội khóa XI (2002-2007) có 498 đại biểu, Quốc hội khóa XII (2007-2011) có 493 đại biểu, Quốc hội khóa XIII (2011-2016) có 500 đại biểu.

Quốc hội khóa XIII có 500 đại biểu, trong đó: đại biểu do trung ương giới thiệu: 167 người (33,40%); đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương: 333 người (66,60%); đại biểu tham gia Quốc hội lần đầu 333 người (66,60%). Đại biểu có trình độ trên đại học: 229 người (45,80%); đại biểu có trình độ đại học: 262 người (52,40%); đại biểu có trình độ cao đẳng và trung cấp: 9 người (1,80%); đại biểu là người dân tộc thiểu số: 78 người (15,60%); đại biểu là phụ nữ: 122 người (24,40%); đại biểu là người ngoài đảng: 42 người (8,40%); đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): 62 người (12,40%); đại biểu khóa XII tái cử: 167 người (33,40%); đại biểu tự ứng cử: 04 người (0,80%).

2. Quốc hội khóa XI có 121 đại biểu chuyên trách (chiếm gần 25% tổng số đại biểu Quốc hội), Quốc hội khóa XII có 145 đại biểu chuyên trách (chiếm 29,41%), Quốc hội khóa XIII có 154 đại biểu chuyên trách (chiếm 30,8%). Báo cáo công tác nhiệm kỳ khóa XIII của Quốc hội kiến nghị, để Quốc hội hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, cần tiếp tục tăng cường đại biểu Quốc hội chuyên trách (lên khoảng 40% tổng số đại biểu Quốc hội) để làm nòng cốt trong việc xây dựng luật, hoạt động giám sát và các hoạt động khác. Coi trọng chất lượng đại biểu để nâng chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, giảm số lượng đại biểu công tác tại các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước và tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội là các nhà khoa học, đại biểu có trình độ, năng lực và điều kiện hoạt động Quốc hội.



hợp với chủ trương cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Từ nhiệm kỳ khóa X trở lại đây, toàn bộ thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là đại biểu Quốc hội. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội đều hình thành bộ phận thường trực gồm các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương để giải quyết các công việc thường xuyên giữa hai phiên họp toàn thể hoặc chuẩn bị các nội dung làm việc tại phiên họp toàn thể của Hội đồng, Ủy ban. Việc tổ chức bộ phận thường trực của các cơ quan của Quốc hội theo hướng hoạt động chuyên trách là một giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan này. Ở mỗi Đoàn đại biểu Quốc hội đều bố trí 01 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Riêng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An được bố trí 02 đại biểu chuyên trách. Từ khi bố trí đại biểu chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội, việc tổ chức để đại biểu Quốc hội trong cùng một Đoàn thực hiện các nhiệm vụ đại biểu trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội được cải thiện rõ rệt. Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm là tổ chức đầu mối để liên hệ, yêu cầu các cơ quan, tổ chức ở địa phương và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác phối hợp, tạo điều kiện để đại biểu Quốc hội thực hiện nhiệm vụ. Đại biểu chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội cũng là người trực tiếp giúp Trưởng đoàn lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội như tổ chức giám sát, tổ chức thảo luận, góp ý kiến về các dự án luật, các báo cáo, dự án khác trình Quốc hội...

Những kết quả nêu trên cho thấy chủ trương tăng cường bảo đảm cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội và tăng số lượng, chất lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách là hoàn toàn đúng đắn, góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính khách quan trong hoạt động của Quốc hội cũng như tăng cường, kiện toàn về tổ chức của Quốc hội trong thời gian qua.

1.3. Về mối quan hệ của đại biểu Quốc hội với cử tri và với Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn đại biểu ứng cử

1.3.1. Mối quan hệ của đại biểu Quốc hội với cử tri

Qua 70 năm hoạt động với 13 khóa Quốc hội, hàng ngàn đại biểu Quốc hội đã được cử tri sáng suốt lựa chọn bầu ra. Quốc hội Việt Nam không ngừng đổi



mới trên các lĩnh vực hoạt động, đóng góp quan trọng vào quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Mối quan hệ giữa đại biểu với cử tri - cử tri với đại biểu ngày càng được tăng cường, gắn bó chặt chẽ đã góp phần quan trọng vào hoạt động của Quốc hội. Tăng cường mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội với cử tri, bảo đảm đại biểu Quốc hội gắn bó chặt chẽ và tăng cường trách nhiệm với cử tri là một trong những nhân tố quyết định chất lượng hoạt động của đại biểu, của Quốc hội. Kết quả hoạt động nổi bật của Quốc hội khóa XIII đã thể hiện sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đã tạo niềm tin và nhấn mạnh sự gắn bó của cử tri với đại biểu¹.

Quốc hội gần dân hơn, tăng cường năng lực đại diện, nâng cao chất lượng hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân. Việc tiếp xúc cử tri, tiếp công dân của đại biểu Quốc hội đã được đổi mới, hoàn thiện từ quy định pháp luật đến việc tổ chức thực hiện.

Về quy định pháp luật, ngay đầu nhiệm kỳ, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về đổi mới, cải tiến để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội², trong đó có nội dung về đổi mới hoạt động tiếp xúc cử tri; Ủy ban thường vụ Quốc hội đã phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội³.

Về tổ chức thực hiện, Quốc hội khóa XIII đã thực hiện nhiều cuộc tiếp xúc cử tri do từng đại biểu Quốc hội thực hiện, nhờ đó, đã thu thập được nhiều ý kiến, kiến nghị của cử tri. Từ kỳ họp thứ 2 đến kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khóa XIII, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo Ban dân nguyện tiếp nhận, phân loại và chuyển 14.604 kiến nghị của cử tri cả nước đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, trả lời cử tri theo quy định của pháp luật, trong đó có 1.413 kiến nghị đối với các cơ quan của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Nguyễn Thị Quyết Tâm: *Tăng cường mối quan hệ giữa đại biểu Quốc hội với cử tri, bảo đảm đại biểu Quốc hội gắn bó chặt chẽ và có trách nhiệm với cử tri*, Kỷ yếu Hội thảo cấp quốc gia “Quốc hội Việt Nam: 70 năm hình thành và phát triển”, Hà Nội ngày 08-12-2015.

2. Nghị quyết số 27/2012/QH13 ngày 21-6-2012 của Quốc hội về một số cải tiến, đổi mới để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

3. Nghị quyết liên tịch số 525/2012/NQLT/UBTVQH13-ĐCTUBTUMTTQVN ngày 27-9-2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội.



12.984 kiến nghị đối với Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ; 187 kiến nghị đối với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao; 20 kiến nghị đối với các cơ quan, tổ chức khác. Cử tri cũng ngày càng có ý thức cao, tâm huyết trong việc thể hiện tâm tư, nguyện vọng, đóng góp ý kiến, kiến nghị vào việc tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Có nhiều cơ chế để cử tri đóng góp ý kiến vào các quyết định của Quốc hội như việc đa dạng các hình thức tiếp xúc cử tri¹, đăng tải dự thảo luật để cử tri đóng góp ý kiến trên trang Dự thảo Online²; tăng cường cơ chế đối thoại giữa cử tri và đại biểu Quốc hội; tăng cường số lượng các phiên họp được phát thanh, truyền hình trực tiếp của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Địa bàn tiếp xúc được mở rộng tới các thôn, bản, xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Nội dung, chương trình, thời điểm tiếp xúc cử tri được chuẩn bị kỹ lưỡng, thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri biết, tham dự. Các hoạt động tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng đã được các Đoàn đại biểu Quốc hội quan tâm tổ chức và thực hiện khá hiệu quả. Việc thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri đã bao gồm tất cả các kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành và cả những vấn đề cụ thể, bức xúc tại địa phương, cơ sở. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc tổ chức, phục vụ hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội ngày càng chặt chẽ và tăng cường hơn... Những cải tiến đó đã khắc phục từng bước tính hình thức, hội nghị, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cử tri tham gia các cuộc tiếp xúc với đại biểu Quốc hội và tạo được không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, góp phần tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước với Nhân dân nói chung và giữa đại biểu Quốc hội với cử tri nói riêng. Các ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được ghi nhận, phản ánh kịp thời hơn với Quốc hội và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết, qua đó, góp phần bảo đảm cho công tác xây dựng pháp luật, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước phù hợp với thực tế, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân cả nước.

1. Việc tiếp xúc cử tri được thực hiện đa dạng theo chuyên đề, theo giới hoặc nơi công tác, ở nhiều nơi khác ngoài địa phương ứng cử, tiếp xúc ở cơ quan, lĩnh vực hoạt động theo từng địa bàn; đã quan tâm đến các vùng sâu, vùng xa...

2. Xem trang Dự thảo Online (<http://duthaoonline.quochoi.vn>).



Việc Quốc hội ban hành Luật tiếp công dân năm 2013¹ và Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH ngày 15-5-2014 quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể hơn về thẩm quyền và trách nhiệm tiếp công dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của các cơ quan của Quốc hội, của Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động tiếp công dân...

Cùng với việc tiếp công dân thường xuyên, việc tiếp công dân tại mỗi kỳ họp Quốc hội được chuẩn bị chu đáo, bảo đảm mọi công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với Quốc hội đều được tiếp, giải thích, hướng dẫn kịp thời, đúng quy định của pháp luật; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan để kịp thời xử lý tình trạng công dân đến khiếu nại, tố cáo tập trung đông người không đúng nơi quy định. Việc tổ chức nơi tiếp công dân riêng của Quốc hội đã được triển khai một bước, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả tiếp công dân của Quốc hội... nên mặc dù số lượng công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với các cơ quan của Quốc hội, của Ủy ban thường vụ Quốc hội tăng nhiều so với nhiệm kỳ trước², nhưng việc xử lý đơn, thư của công dân cơ bản kịp thời, đã góp phần hạn chế tình trạng công dân tập trung đông người lâu ngày tại Hà Nội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các kỳ họp, đồng thời đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Trong việc tiếp công dân, tiếp nhận và đơn đốc xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội đã nghiêm túc triển khai thực hiện quy định của Luật tổ chức Quốc hội và các văn bản có liên quan, vì vậy hoạt động này ngày càng đi vào nề nếp. Lịch tiếp công dân của đại biểu Quốc hội được công khai tại nơi tiếp công dân hoặc tại

1. Luật tiếp công dân năm 2013, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 25-11-2013.

2. Nhiệm kỳ khóa XII tiếp và phối hợp tiếp 28.630 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về 9.921 vụ việc, trong đó có 400 lượt đoàn đông người; nhiệm kỳ khóa XIII tiếp và phối hợp tiếp 31.645 lượt người về 10.984 vụ việc, trong đó có 846 lượt đoàn đông người; số lượt đoàn đông người tăng trên 200%, với tính chất, mức độ ngày càng gay gắt, chủ yếu tập trung vào các kỳ họp Quốc hội.



Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội. Các ý kiến, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân đều được đại biểu Quốc hội lắng nghe, ghi nhận, hướng dẫn và giải thích hoặc nghiên cứu, xem xét, xử lý, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Việc tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đại biểu Quốc hội được quan tâm và chú trọng, có nhiều chuyển biến tích cực, qua đó đã tăng cường được trách nhiệm của đại biểu Quốc hội với cử tri và Nhân dân.

1.3.2. Mối quan hệ của đại biểu Quốc hội với Hội đồng nhân dân trên địa bàn đại biểu ứng cử

Các vị đại biểu Quốc hội đã sắp xếp, bố trí công việc để tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân trên địa bàn đại biểu ứng cử để báo cáo kết quả kỳ họp Quốc hội, nắm tình hình địa phương và tham gia vào việc xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng tại địa phương. Các Đoàn đại biểu Quốc hội đã có sự phối hợp chặt chẽ với thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các cấp ở địa phương về một số dự án luật quan trọng; tổ chức giám sát ở địa phương về một số vấn đề bức xúc được cử tri quan tâm... Những hoạt động nói trên đã góp phần tăng cường mối quan hệ công tác giữa cơ quan dân cử ở trung ương và địa phương cũng như thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động giữa đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

1.4. Về Đoàn đại biểu Quốc hội

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, các Đoàn đại biểu Quốc hội đã có nhiều đổi mới trong việc tổ chức và tạo điều kiện để các đại biểu Quốc hội trong Đoàn hoạt động và triển khai các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, thực hiện ngày càng tốt hơn, có hiệu quả hơn nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong các lĩnh vực xây dựng pháp luật, giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giữ mối quan hệ công tác và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan ở trung ương, ở địa phương và các hoạt động tại kỳ họp Quốc hội, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động của Quốc hội.



Đoàn đại biểu Quốc hội chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp và sớm triển khai các nội dung, chương trình hoạt động của Đoàn, thực hiện tốt công tác phối hợp tham gia xây dựng pháp luật, giám sát, tổ chức tiếp xúc cử tri. Các Đoàn đã tiến hành nhiều đợt tiếp xúc cử tri, hàng trăm cuộc giám sát và hàng nghìn hội nghị lấy ý kiến các dự án luật, nhất là đã tham gia tích cực trong đợt lấy ý kiến Nhân dân về sửa đổi Hiến pháp, dự thảo Luật đất đai (sửa đổi)... Hoạt động của các Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương cũng có sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ với hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương; tham gia thực hiện tốt công tác xã hội; giữ mối liên hệ công tác, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan ở trung ương. Đạt được kết quả nêu trên phải kể đến sự nỗ lực của các vị đại biểu Quốc hội hoạt động ở địa phương, nhất là các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách (dù với số lượng ít) nhưng đã phát huy tốt vai trò cầu nối, tổ chức để các Đoàn đại biểu Quốc hội duy trì hoạt động và hoàn thành khối lượng công việc trong nhiệm kỳ.

Để bảo đảm đại biểu Quốc hội thực sự là chủ thể quan trọng, giữ vị trí trung tâm trong hoạt động của Quốc hội, bên cạnh việc bảo đảm tiêu chuẩn đại biểu, tạo điều kiện để đại biểu hoạt động thì quy định Đoàn đại biểu Quốc hội là hình thức tổ chức hoạt động của các đại biểu Quốc hội cùng được bầu trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Luật tổ chức Quốc hội hiện hành cũng quy định Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội là cơ quan giúp việc, phục vụ các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội ở địa phương (khoản 4 Điều 43 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014).

Trong việc tham gia thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội đã có nhiều hình thức thảo luận, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan và cá nhân ở địa phương vào các dự án luật. Các vị đại biểu Quốc hội đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động nghiên cứu, tích cực đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng văn bản được ban hành. Tại các hội nghị do Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức, các đại biểu Quốc hội chuyên trách đã tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn đại biểu Quốc hội trong việc thảo luận, cho ý kiến đối với những dự án luật có nội



dung phức tạp, nhạy cảm, còn có nhiều ý kiến khác nhau trước khi trình Quốc hội cho ý kiến hoặc xem xét, thông qua.

Trong việc tham gia thực hiện chức năng giám sát tối cao của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội đã có nhiều cố gắng trong hoạt động giám sát tại địa phương. Qua giám sát, nhiều kiến nghị có chất lượng đã được các bộ, ngành, cơ quan hữu quan ở trung ương và địa phương xem xét, giải quyết. Các Đoàn đại biểu Quốc hội cũng đã phối hợp tốt trong việc giám sát chuyên đề theo chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Nhiều vị đại biểu Quốc hội đã tích cực tham gia hoạt động của các Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, của Đoàn đại biểu Quốc hội, hoạt động tiếp xúc cử tri, từ đó có điều kiện thực hiện tốt hơn quyền chất vấn và giám sát tối cao tại các kỳ họp Quốc hội¹.

1.5. Một số hạn chế, bất cập về đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội

Thực tiễn tổ chức và hoạt động của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội hiện nay cho thấy, hoạt động của đại biểu Quốc hội, nhất là đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm còn có những khó khăn, hạn chế nhất định như: khó khăn về bố trí thời gian, các điều kiện bảo đảm hợp lý để đại biểu thực hiện nhiệm vụ với tư cách cá nhân của đại biểu. Đại biểu Quốc hội còn lúng túng trong hoạt động giám sát, nhất là giám sát, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri, chưa chủ động đưa ra sáng kiến lập pháp hoặc tự giám sát những vấn đề mình quan tâm. Kỹ năng hoạt động của một số đại biểu còn hạn chế, chưa tích cực tham gia đóng góp ý kiến tại kỳ họp Quốc hội, một số đại biểu Quốc hội có nội dung phát biểu chất lượng chưa cao, chỉ mang tính chất phản ánh sự kiện, chưa đi sâu phân tích, tìm nguyên nhân để qua đó, kiến nghị các giải pháp hữu hiệu để khắc phục.

Hiệu quả hoạt động giám sát, tính pháp lý của các kiến nghị sau giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội vẫn còn nhiều hạn chế. Có những Đoàn đại biểu Quốc hội số kiến nghị giám sát mới chỉ được giải quyết một phần, có nội

1. Theo Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992: *Báo cáo tổng kết thi hành Hiến pháp năm 1992 của Ủy ban thường vụ Quốc hội*, ngày 01-10-2012.



dung giám sát Đoàn đại biểu Quốc hội chỉ xem xét báo cáo nên chất lượng chưa cao, nội dung giám sát chưa sâu. Việc lấy ý kiến tham gia vào các dự án luật còn hạn chế mà nguyên nhân chủ yếu là do tài liệu gửi về các Đoàn đại biểu Quốc hội còn chậm so với quy định.

Nội dung tiếp xúc cử tri còn đơn điệu, cách thức tổ chức tiếp xúc chủ yếu vẫn là hội nghị¹; thành phần tiếp xúc cũng có trường hợp chưa bảo đảm rộng rãi, dân chủ; chưa chú trọng việc từng đại biểu Quốc hội báo cáo với cử tri về kết quả hoạt động của mình và của Quốc hội; việc tổng hợp kiến nghị của cử tri của một số Đoàn đại biểu Quốc hội vẫn còn nặng về liệt kê số lượng kiến nghị... Trong hoạt động tiếp công dân, việc phân công thực hiện tiếp công dân tại địa phương của một số Đoàn đại biểu Quốc hội còn nhiều bất cập; việc tổ chức địa điểm tiếp công dân riêng của Quốc hội chưa thực hiện đầy đủ theo quy định của Luật tiếp công dân năm 2013². Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội với Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể; việc hướng dẫn và giám sát hoạt động của Hội đồng nhân dân ở các địa phương chưa thực hiện được nhiều...

2. Về Ủy ban thường vụ Quốc hội

2.1. Khái quát quá trình hình thành, đổi mới và phát triển về tổ chức của Ủy ban thường vụ Quốc hội qua các khóa Quốc hội

Quá trình hình thành, đổi mới và phát triển về tổ chức của Ủy ban thường vụ Quốc hội qua các khóa Quốc hội như sau:

2.1.1. Giai đoạn 1946 đến 1960: Đây là thời kỳ dân tộc ta đang phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ, thách thức để thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1. Một số Đoàn đại biểu Quốc hội vẫn tổ chức để một số đại biểu cùng tiếp xúc tại một cuộc tiếp xúc cử tri; việc thực hiện tiếp xúc cử tri ở nơi cư trú, nơi làm việc, gặp gỡ tiếp xúc cá nhân hoặc nhóm cử tri chưa thực hiện được nhiều.

2. Vẫn phải thực hiện tiếp công dân đến kiến nghị với Quốc hội chung trong Trụ sở tiếp công dân Trung ương.



Tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa I - lúc đó được gọi là Nghị viện nhân dân (ngày 02-3-1946), Ban thường vụ Nghị viện nhân dân được thành lập, bao gồm một Nghị trưởng, 2 Phó Nghị trưởng, 12 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết¹. Ban thường vụ là cơ quan thường xuyên của Nghị viện nhân dân, khi Nghị viện không họp, Ban thường vụ có quyền: Biểu quyết những dự án sắc luật của Chính phủ. Những sắc luật đó phải đem trình Nghị viện vào phiên họp gần nhất để Nghị viện ưng chuẩn hoặc phế bỏ; triệu tập Nghị viện nhân dân; Kiểm soát và phê bình Chính phủ (Điều thứ 36 Hiến pháp năm 1946).

Ban thường vụ Nghị viện nhân dân đã luôn sát cánh cùng Chính phủ để bàn bạc, tham gia ý kiến về các chủ trương, chính sách lớn trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc (1946-1954). Ban thường vụ Nghị viện nhân dân đã tích cực xây dựng các mối quan hệ và cử đoàn đi thăm một số nước xã hội chủ nghĩa anh em như: cử một đoàn đại biểu gồm 10 người do Phó Trưởng Ban thường vụ Quốc hội Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm Pháp với mục đích làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ hơn cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của Việt Nam; cùng Chính phủ cử Đoàn đại biểu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu tham dự Hội nghị Giơnevơ, có ý kiến chỉ đạo thích hợp và cùng Chính phủ quyết định việc ký Hiệp định đình chiến, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

1. Theo Điều thứ 27 Hiến pháp năm 1946: "Nghị viện nhân dân bầu một Nghị trưởng, hai Phó Nghị trưởng, 12 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết để lập thành Ban thường vụ". Theo "Lịch sử Quốc hội Việt Nam", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

- Tại kỳ họp thứ nhất (trong ngày 02-3-1946), Quốc hội khóa I đã quyết định bầu Ban thường vụ, gồm: Trưởng ban: Nguyễn Văn Tố; 2 Phó Trưởng ban: Phạm Văn Đồng, Cung Đình Quý; 12 Ủy viên chính thức: Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Văn Chi, Dương Văn Dư, Hoàng Văn Đức, Xuân Thủy, Trịnh Quốc Quang, Đàm Quang Thiện, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Nguyễn Tri, Lê Thị Xuyên, Hoàng Minh Giám, Dương Đức Hiền; và 03 Ủy viên dự khuyết: Nguyễn Văn Luyện, Phạm Bá Trực, Y Ngông Niêđam. Về sau, Ban thường vụ được bổ sung thêm 04 đại biểu Nam bộ: Tôn Đức Thắng và Dương Bạch Mai làm Ủy viên chính thức; Nguyễn Ngọc Bích và Huỳnh Tấn Phát làm Ủy viên dự khuyết.

- Tại kỳ họp thứ hai (từ ngày 28-10 đến ngày 09-11-1946), Quốc hội khóa I thành lập Ban thường vụ mới, gồm: Trưởng ban: Bùi Bằng Đoàn; 02 Phó Trưởng ban: Tôn Đức Thắng, Tôn Quang Phiệt; 12 Ủy viên chính thức: Phạm Bá Trực, Dương Đức Hiền, Cung Đình Quý, Hoàng Văn Hoan, Trần Huy Liệu, Nguyễn Văn Luyện, Trần Văn Cung, Dương Văn Dư, Y Ngông Niêđam, Hoàng Minh Châu, Nguyễn Đình Thi, Lê Thị Xuyên; và 3 Ủy viên dự khuyết: Lê Tư Lành, Trần Tấn Thọ, Nguyễn Thị Thục Viên.



Giai đoạn từ cuối năm 1954 đến năm 1960, tổ chức và hoạt động của Ban thường vụ Quốc hội¹ phù hợp với bối cảnh đất nước tạm thời chia làm hai miền Bắc - Nam theo Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế - xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa và ngày càng trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc; miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước. Theo Điều 53 Hiến pháp năm 1959², cơ quan thường trực của Quốc hội là Ủy ban thường vụ Quốc hội được trao quyền hạn rộng hơn (18 quyền hạn) so với Ban thường vụ của Nghị viện nhân dân ở Hiến pháp năm 1946. Trong số các quyền hạn, Ủy ban thường vụ Quốc hội có quyền ra pháp luật (khoản 4 Điều 53 Hiến pháp năm 1959) nhằm dần thay thế chế độ ban hành sắc lệnh bằng ban hành đạo luật trong điều kiện của một Quốc hội không chuyên trách, hoạt động không thường xuyên và đất nước của thời kỳ cách mạng đang còn thiếu rất nhiều bộ luật, đạo luật quan trọng.

2.1.2. Giai đoạn 1960-1980: Đây là thời kỳ Quốc hội hoạt động trong điều kiện miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Ngày 31-12-1959, Quốc hội khóa I kỳ họp thứ 11 đã thông qua bản Hiến pháp năm 1959, Nghị viện nhân dân được đổi tên là Quốc hội và được tổ chức theo các quy định của Hiến pháp năm 1959 và Luật tổ chức Quốc hội năm 1960³. Hiến pháp năm 1959 xác định cơ quan thường trực của Quốc hội là Ủy ban thường vụ Quốc hội, do Quốc hội bầu ra, gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các Ủy viên (Điều 51).

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa II (1960-1964): Đây là khóa Quốc hội đầu tiên hoạt động trong bối cảnh cả nước thực hiện kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế quốc dân theo đường lối do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III

1. Theo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959 (Hiến pháp năm 1959), Ban thường vụ Nghị viện nhân dân được đổi tên thành Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Hiến pháp năm 1959 đã được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa thứ nhất, kỳ họp thứ 11, nhất trí thông qua trong phiên họp ngày 31-12-1959, hồi 15 giờ 50 phút.

3. Luật tổ chức Quốc hội năm 1960, được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa hai, kỳ họp thứ nhất, thông qua ngày 14-7-1960.



của Đảng đề ra. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 21 thành viên, đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 06 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, 14 Ủy viên chính thức và 05 Ủy viên dự khuyết.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa III (1964-1971): Do hoạt động trong thời chiến nên nhiệm kỳ của Quốc hội kéo dài đến 07 năm. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 23 thành viên, đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 06 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, 15 Ủy viên chính thức, 03 Ủy viên dự khuyết và Ban thư ký gồm 04 thành viên. Trong nhiệm kỳ 07 năm, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã tổ chức được 95 phiên họp. Trước tình hình đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân, tại phiên họp ngày 10-4-1965, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội thêm một số quyền hạn trong trường hợp Quốc hội không có điều kiện thuận tiện để họp¹.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV (1971-1975): Nhiệm kỳ Quốc hội khóa IV là 04 năm. Ủy ban thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ này do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 05 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, 17 Ủy viên chính thức, 03 Ủy viên dự khuyết và Ban thư ký gồm 06 thành viên. Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV đã tổ chức được 53 phiên họp.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa V (1975-1976): Quốc hội khóa V ra đời trong bối cảnh lịch sử miền Nam vừa mới giải phóng (ngày 30-4-1975) và hoạt động chưa đầy 02 năm. Ủy ban thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ này do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 06 Phó Chủ tịch, 11 Ủy viên chính thức và 03 Ủy viên dự khuyết. Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức được 10 phiên họp.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa VI (1976-1981): Quốc hội khóa VI là Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất, đã ban hành Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1980² và Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Hiến pháp năm 1980³. Đây là bản Hiến pháp thứ ba được

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.3, tr.361.

2. Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1980, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VI, kỳ họp thứ 7, thông qua trong phiên họp ngày 18-12-1980.

3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VI, kỳ họp thứ 7, nhất trí thông qua trong phiên họp ngày 18-12-1980, hồi 15 giờ 25 phút (Hiến pháp năm 1980).



Quốc hội thông qua để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, đưa đất nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 07 Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, 13 Ủy viên chính thức, 02 Ủy viên dự khuyết.

2.1.3. Giai đoạn 1980 đến 1992: Đây là thời kỳ cả nước đang tích cực đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa và công nghiệp hóa đất nước. Lúc này, Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp năm 1980 và Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981¹.

Hội đồng Nhà nước - Quốc hội khóa VII (1981-1987): Quốc hội đã ban hành Bộ luật hình sự đầu tiên của Nhà nước ta vào năm 1985²; tăng cường triển khai thực hiện chức năng giám sát và chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Quốc hội khóa VII đã bầu Hội đồng Nhà nước do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước; bầu Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch Quốc hội và 09 Phó Chủ tịch Quốc hội. Hội đồng Nhà nước được quy định là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội, là Chủ tịch tập thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 98 Hiến pháp năm 1980). Như vậy, Hội đồng Nhà nước vừa thực hiện chức năng của cơ quan thường trực của Quốc hội, vừa thực hiện chức năng của Nguyên thủ quốc gia. Hội đồng Nhà nước gồm 12 thành viên đảm nhận chức năng của Ủy ban thường vụ Quốc hội, là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội.

Hội đồng Nhà nước - Quốc hội khóa VIII (1987-1992): Nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII là Quốc hội của giai đoạn khởi đầu sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ quốc tế, đưa đất nước sớm ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vững bước tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa. Quốc hội khóa VIII đã ban hành được

1. Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ nhất, thông qua ngày 3-7-1981.

2. Bộ luật hình sự năm 1985, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27-6-1985.



Hiến pháp mới vào năm 1992¹ - Hiến pháp của thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, bước đầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thay thế cho Hiến pháp năm 1980. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã bầu đồng chí Lê Quang Đạo làm Chủ tịch Quốc hội, 05 Phó Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Võ Chí Công được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Hội đồng Nhà nước gồm 15 thành viên.

2.1.4. Giai đoạn từ 1992 đến nay:

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IX (1992-1997): Quốc hội khóa IX đóng vai trò quan trọng trong việc thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đường lối đổi mới của Đảng theo tinh thần của Hiến pháp năm 1992 và Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII. Quốc hội khóa IX đã bầu đồng chí Nông Đức Mạnh làm Chủ tịch Quốc hội, 03 Phó Chủ tịch, 09 Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đây là khóa Quốc hội đầu tiên đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp của Quốc hội, các đạo luật, bộ luật quan trọng được ban hành.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa X (1997-2002): Quốc hội khóa X được bầu và đi vào hoạt động đúng vào thời điểm công cuộc đổi mới sau 10 năm đã thu được những thành tựu to lớn. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 14 thành viên do đồng chí Nông Đức Mạnh làm Chủ tịch, 05 Phó Chủ tịch và 08 Ủy viên. Tại kỳ họp thứ 9 (từ ngày 22-5 đến ngày 29-6-2001), Quốc hội đã bầu đồng chí Nguyễn Văn An làm Chủ tịch Quốc hội. Trong nhiệm kỳ 5 năm, Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức được 50 phiên họp. Ủy ban thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ này cũng ban hành khá nhiều pháp lệnh.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI (2002-2007): Đây là nhiệm kỳ Quốc hội đầu tiên hoạt động trong thiên niên kỷ mới; công cuộc đổi mới đất nước được triển khai một cách toàn diện, mạnh mẽ nhằm đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bên cạnh hoạt động lập pháp, công tác giám sát cũng được tăng cường toàn diện trên các mặt. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã bầu

1. Hiến pháp năm 1992, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 11 nhất trí thông qua trong phiên họp ngày 15-4-1992, hồi 11 giờ 45 phút (Hiến pháp năm 1992).



Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 13 thành viên do đồng chí Nguyễn Văn An làm Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 09 Ủy viên. Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định thành lập ba cơ quan chuyên môn trực thuộc là: Ban công tác lập pháp¹, Ban công tác đại biểu² và Ban dân nguyện³.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII (2007-2011): Quốc hội khóa XII là khóa Quốc hội tiếp tục đổi mới theo hướng ngày càng dân chủ, thực chất và hiệu quả hơn. Công tác lập pháp tiếp tục được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Tại kỳ họp đầu tiên, Quốc hội bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 18 thành viên do đồng chí Nguyễn Phú Trọng làm Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch, 13 Ủy viên. Ủy ban thường vụ Quốc hội có ba cơ quan chuyên môn trực thuộc là: Ban công tác đại biểu, Ban dân nguyện và Viện nghiên cứu lập pháp⁴. Số pháp lệnh do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày càng giảm xuống đáng kể.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII (2011-2016): Đây là khóa đầu tiên tiến hành đồng thời bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016. Cũng lần đầu tiên trong lịch sử hoạt động của mình, Quốc hội tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam và kết quả tổng kết thực tiễn qua 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Quốc hội khóa XIII đã ban hành Hiến pháp năm 2013 nhằm thể chế hóa một cách toàn diện, đầy đủ hơn, sâu sắc hơn quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đề cao quyền con người, quyền công dân, chủ quyền nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, hoàn thiện thiết chế kiểm soát quyền lực.

1. Nghị quyết số 369/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17-3-2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Ban công tác lập pháp.

2. Nghị quyết số 368/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17-3-2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Ban công tác đại biểu.

3. Nghị quyết số 370/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17-3-2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Ban dân nguyện.

4. Nghị quyết số 614/2008/UBTVQH12 ngày 29-4-2008 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Viện nghiên cứu lập pháp.



Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 17 thành viên do đồng chí Nguyễn Sinh Hùng làm Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch và 12 Ủy viên. Tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII bầu bổ sung 01 Ủy viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nâng số thành viên của cơ quan này lên thành 18 thành viên. Đến kỳ họp cuối cùng (kỳ họp thứ 11), Quốc hội khóa XIII bầu đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân làm Chủ tịch Quốc hội.

Ủy ban thường vụ Quốc hội tiếp tục duy trì ba cơ quan chuyên môn trực thuộc là: Ban công tác đại biểu, Ban dân nguyện và Viện nghiên cứu lập pháp. Trong nhiệm kỳ XIII, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã tổ chức được 50 phiên họp.

Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV (2016-2021): Quốc hội bước sang nhiệm kỳ khóa XIV trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Ở trong nước có những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, đoàn kết đồng lòng để đưa nước ta vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển nhanh và bền vững. Quốc hội có vinh dự và trách nhiệm lớn trong việc kế thừa và phát huy những thành tựu, kinh nghiệm của Quốc hội các khóa trước, thực hiện đầy đủ, có hiệu lực, hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo Hiến pháp và luật định để hoàn thành trọng trách trước Đảng, trước Nhân dân và đất nước.

Triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Quốc hội năm 2014¹, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Quốc hội đã khẩn trương kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự các cơ quan của Quốc hội. Theo đó, lần đầu tiên, Quốc hội chỉ bầu Chủ tịch Hội đồng dân tộc và Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, các chức danh Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội. Quốc hội cũng bảo đảm thực hiện quyền của đại biểu trong việc tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội. Đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền đăng ký tham dự phiên họp do Hội đồng, Ủy ban tổ chức để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm.

1. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20-11-2014.



Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XIV đã bầu Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 18 thành viên, đều là các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó có 05 thành viên nữ, 07 thành viên tái cử và 11 đồng chí lần đầu tham gia Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm 01 Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, 09 Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, 02 Trưởng Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nhìn chung, trải qua một chặng đường dài hình thành và phát triển, tên gọi, mô hình tổ chức cũng như chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội đã có thay đổi để phù hợp với đặc điểm và tính chất của các nhiệm vụ lịch sử trong tiến trình cách mạng của đất nước. Ủy ban thường vụ Quốc hội các khóa đã luôn nỗ lực khẳng định được vị trí, vai trò là cơ quan thường trực của Quốc hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đóng góp quan trọng vào thành công chung của Quốc hội và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

2.2. Những kế thừa, đổi mới và phát triển về tổ chức của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII

Vị trí pháp lý, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII được tiếp tục củng cố và hoàn thiện trên cơ sở kế thừa và phát triển những giá trị, yếu tố hợp lý của Ủy ban thường vụ Quốc hội các khóa trước, đồng thời có những đổi mới quan trọng cả về mô hình tổ chức và phương thức hoạt động để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

Về tổ chức, Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII được thành lập tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XIII, gồm 17 thành viên do đồng chí Nguyễn Sinh Hùng làm Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch và 12 Ủy viên¹. Sau đó, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội đã bầu bổ sung 01 Ủy viên phụ trách công tác dân nguyện, nâng tổng số thành viên của Ủy ban thường vụ Quốc hội lên thành 18 thành viên. Đến kỳ họp cuối cùng², nhằm kịp thời triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, thực hiện yêu cầu của Bộ Chính trị về việc kiện toàn các

1. Trong đó: 10 Ủy viên kiêm chức Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban, 01 Ủy viên phụ trách công tác đại biểu và 01 Ủy viên là Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

2. Kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII.



chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước, Quốc hội đã tín nhiệm bầu đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân đang giữ chức Phó Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch Quốc hội thay đồng chí Nguyễn Sinh Hùng. Ủy ban thường vụ Quốc hội tiếp tục tổ chức 03 cơ quan chuyên môn trực thuộc là Ban công tác đại biểu, Ban dân nguyện và Viện nghiên cứu lập pháp.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thực hiện việc phân công, phân nhiệm đối với từng thành viên cụ thể, phù hợp nên đã gắn kết hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội với hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; các thành viên tăng cường phối hợp, chủ động triển khai nhiệm vụ, giúp tập thể Ủy ban thường vụ Quốc hội hoàn thành khối lượng công việc ngày càng lớn, chất lượng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu đổi mới của Quốc hội. Chủ tịch Quốc hội là người chủ trì, chịu trách nhiệm chung, Chủ tọa các cuộc họp Quốc hội, phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, trực tiếp điều hành một số nội dung quan trọng và điều hòa, phối hợp các hoạt động. Bốn Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công phụ trách các lĩnh vực cụ thể và trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị và điều hành các phiên họp của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận về nội dung thuộc lĩnh vực được phân công. Các đồng chí Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội vừa thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình tại cơ quan được giao phụ trách, vừa dành thời gian thỏa đáng để thực hiện các công việc chung của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trong nhiệm kỳ khoá XIII, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã cho ý kiến về Đề án tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức các cơ quan của Quốc hội; thông qua các nghị quyết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ban thư ký với nhiều đổi mới quan trọng, góp phần đổi mới tổ chức, hoạt động, nâng cao tính chuyên nghiệp của các cơ quan của Quốc hội và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã có những điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Trong đó, bổ sung một số thẩm quyền cho Ủy ban thường vụ Quốc hội như: phê chuẩn danh sách



Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng dân tộc; Phó Chủ nhiệm, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của các Ủy ban; phê chuẩn cho thôi làm thành viên Hội đồng, Ủy ban; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Để triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã khẩn trương xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội¹ nhằm nhanh chóng hoàn thiện quy trình, thủ tục, chế độ làm việc. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng và là điều kiện thuận lợi để Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV triển khai hoạt động ngay từ khi mới được bầu và dần hướng tới sự chuyên nghiệp và bảo đảm hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Trong suốt nhiệm kỳ của mình, tập thể và từng thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội đã luôn nêu cao ý thức trách nhiệm, tinh thần chủ động, đoàn kết và thống nhất, phát huy trí tuệ của tập thể và cá nhân, giữ vững nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Việc tổ chức và hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội luôn bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại các phiên họp thường kỳ, Ủy ban thường vụ Quốc hội định kỳ tổ chức các cuộc họp tập thể theo quy định để xem xét, quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền. Lãnh đạo Quốc hội họp giao ban để nghe báo cáo tình hình chuẩn bị các nội dung công việc, nhất là việc chuẩn bị các phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, kịp thời cho ý kiến chỉ đạo để các cơ quan triển khai thực hiện. Tổ chức các hội nghị đại biểu hoạt động chuyên trách, các hội nghị truyền hình trực tuyến để cho ý kiến, nâng cao chất lượng các dự án luật trước khi trình Quốc hội, tạo điều kiện để Quốc hội thông qua luật tại kỳ họp có chất lượng và hiệu quả nhất.

1. Quy chế làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành kèm theo Nghị quyết số 1075/2015/UBTVQH13 ngày 11-12-2015 tại phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội tháng 12-2015.



Để phù hợp với tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội luôn chủ động tìm tòi, nghiên cứu lý luận và bám sát sự vận động, tình hình thực tiễn của đất nước để cải tiến, đổi mới tổ chức và hoạt động một cách thiết thực nhằm nâng cao chất lượng từng nội dung công việc, trên tất cả các mặt công tác: lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn của cuộc sống cũng như việc bố trí chương trình kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội... Phương thức hoạt động luôn bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể, huy động sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà khoa học, lắng nghe ý kiến của cử tri và nâng cao vai trò của các cơ quan, của bộ máy tham mưu giúp việc. Trong nhiệm kỳ này, việc đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trên các phương tiện thông tin đại chúng đã giúp cử tri và Nhân dân theo dõi, nắm bắt kịp thời hoạt động và những văn bản, quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội góp phần đưa hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội gần dân hơn, thực hiện tốt trọng trách Nhân dân giao phó.

Ủy ban thường vụ Quốc hội đã luôn chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và phối hợp công tác chặt chẽ với Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức hữu quan.

Nhìn chung, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhiệm kỳ Quốc hội khoá XIII là phù hợp với tình hình thực tế, cơ bản bảo đảm việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, hoạt động có chất lượng, hiệu quả, tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn.

2.3. Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV - Kế thừa, đổi mới và phát triển

Kế thừa những thành tựu đã đạt được trong các khóa Quốc hội trước đây,



tổ chức của Quốc hội, các cơ cấu của Quốc hội, trong đó có Ủy ban thường vụ Quốc hội đã từng bước được xây dựng, hoàn thiện và ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và Quốc hội nói riêng. Bên cạnh đó, sự kế thừa, đổi mới và phát triển của Ủy ban thường vụ Quốc hội các khoá còn đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn cuộc sống, của cử tri, Nhân dân cả nước, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện các chức năng lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khoá XIV, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã tổ chức được 02 phiên họp để xem xét về những vấn đề quan trọng phục vụ kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá XIV. Trong phiên họp đầu tiên, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thảo luận, thống nhất dự kiến nhân sự trình Quốc hội bầu Chủ tịch nước, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước. Đồng thời, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã xem xét, quyết định số lượng và phê chuẩn danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban và các Ủy viên của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Trưởng các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cũng tại phiên họp này, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thảo luận, thống nhất về Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết về dự kiến Chương trình hoạt động giám sát của Quốc hội năm 2017; dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016. Tại phiên họp thứ 2, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã xem xét, đánh giá kết quả kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá XIV và cho ý kiến bước đầu về việc chuẩn bị kỳ họp thứ 2¹. Bên cạnh việc cho ý kiến về các dự án luật², Ủy ban thường vụ Quốc hội đã cho

1. Từ thực tế diễn biến kỳ họp, trên cơ sở ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan, của cử tri tại các cuộc tiếp xúc với đại biểu Quốc hội và dư luận chung, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thảo luận và chỉ ra những kết quả đạt được của kỳ họp thứ nhất, đồng thời nêu rõ những vấn đề tiếp tục cần đổi mới, phát triển. Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến nội dung, thời gian tổ chức kỳ họp thứ 2, đồng thời, yêu cầu các cơ quan của Quốc hội chủ động phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị các nội dung trình Quốc hội, bảo đảm tiến độ, chất lượng, đúng quy trình thủ tục theo luật định.

2. Dự án Luật cảnh vệ và Dự án Luật công an xã.



ý kiến về Tờ trình của Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch vốn nước ngoài năm 2016¹.

Có thể nói, với những đổi mới trong cách thức tổ chức và phương thức hoạt động thông qua việc thảo luận, xem xét từng vấn đề quan trọng về lập pháp, giám sát, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV đang hứa hẹn một khóa hoạt động đầy đổi mới với nhiều thành công, tiếp tục ghi thêm những mốc son mới vào lịch sử vẻ vang và tiến trình phát triển của Quốc hội Việt Nam.

3. Về Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

3.1. Khái quát quá trình hình thành, đổi mới và phát triển về tổ chức của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội từ khóa I đến khóa XIII

3.1.1. Về sự hình thành Hội đồng dân tộc, các Ủy ban qua các nhiệm kỳ Quốc hội

Trong nhiệm kỳ khóa I, Quốc hội không tổ chức các Ủy ban thường vụ mà khi xem xét, thông qua một dự án luật, sắc luật nào đó thì tại mỗi kỳ họp, Quốc hội thành lập tiểu ban² để nghiên cứu, tham mưu cho Quốc hội. Sau khi

1. Trong bối cảnh nguồn lực đầu tư của đất nước còn hạn chế, nhiều công trình, dự án đang cần được bổ sung vốn để sớm hoàn thiện, việc quản lý, sử dụng vốn nước ngoài ở nước ta vẫn còn tình trạng lãng phí, kém hiệu quả. Để bảo đảm thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về lập, phân bổ và điều chỉnh dự toán, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, tránh tình trạng chi vượt dự toán, tăng bội chi, Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ tiếp tục rà soát, tổng hợp đối với từng dự án, trên cơ sở đó xây dựng phương án điều chỉnh vốn cụ thể đối với từng bộ, ngành, địa phương, bảo đảm rõ ràng, minh bạch, theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp sau. Đồng thời, Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương nghiêm túc rút kinh nghiệm để việc lập dự toán, phân bổ vốn phải bảo đảm tính hợp lý và tuân thủ đầy đủ các điều kiện luật định. Cũng tại phiên họp này, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua nghị quyết về sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 của Dự án hỗ trợ Tả Trạch cho hợp phần bồi thường, di dân tái định cư. Theo đó, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định thu hồi 77 tỷ đồng từ Hợp phần xây dựng cơ bản của Dự án hỗ trợ Tả Trạch cấp cho tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện việc bồi thường, di dân tái định cư cho Nhân dân bị thu hồi đất lâm nghiệp nhằm xử lý dứt điểm việc khiếu kiện kéo dài của người dân. Đồng thời, yêu cầu các bộ, cơ quan hữu quan rút kinh nghiệm, thực hiện đúng nguyên tắc, nâng cao kỷ luật tài chính để các dự án được triển khai đi vào nền nếp.

2. Tiểu ban về dự án luật, sắc luật đó.



dự án luật, sắc luật được Quốc hội thông qua thì tiểu ban tự giải tán. Riêng Ban thường vụ Quốc hội, do có những thẩm quyền nhất định trong hoạt động lập pháp như quyền biểu quyết các sắc luật do Chính phủ ban hành nên Ban thường vụ Quốc hội đã thành lập Tiểu ban pháp chế¹, sau đó được đổi tên thành Tiểu ban pháp luật để nghiên cứu, tham mưu cho Ban thường vụ Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

Tiểu ban của Ban thường vụ Quốc hội là một cơ quan hoạt động thường xuyên. Tiểu ban gồm có trưởng tiểu ban và một số thành viên. Như vậy, trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa I, để thực hiện nhiệm vụ xem xét, thông qua các dự án luật, các sắc luật, Quốc hội chỉ thành lập các tiểu ban lâm thời có nhiệm vụ nghiên cứu về các dự án luật, sắc luật đó để tham mưu cho Quốc hội, chỉ hoạt động trong kỳ họp Quốc hội. Khi dự án luật, sắc luật này được thông qua thì Tiểu ban tự giải tán. Do đó, chỉ có Tiểu ban pháp luật thuộc Ban thường vụ Quốc hội là cơ quan chuyên môn duy nhất hoạt động thường xuyên.

Từ nhiệm kỳ Quốc hội khóa II đến nhiệm kỳ Quốc hội khóa VI, sau khi Hiến pháp năm 1959 và Luật tổ chức Quốc hội năm 1960² được ban hành, tổ chức của Quốc hội có sự thay đổi lớn. Quốc hội đã thành lập các Ủy ban thuộc cơ cấu của mình. Trong đó, Quốc hội khóa II (1960-1964) bắt đầu với việc thành lập 02 Ủy ban là Ủy ban dự án pháp luật và Ủy ban kế hoạch và ngân sách tại kỳ họp thứ nhất và thành lập thêm Ủy ban thống nhất vào năm 1963. Quốc hội khóa III (1964-1971) tại kỳ họp thứ nhất đã thành lập 05 Ủy ban: Ủy ban dự án pháp luật, Ủy ban kế hoạch và ngân sách, Ủy ban dân tộc, Ủy ban thống nhất và Ủy ban văn hóa - xã hội. Quốc hội khóa IV (1971-1975) thành lập 06 Ủy ban. Tại kỳ họp thứ nhất, thành lập Ủy ban dự án pháp luật, Ủy ban kế hoạch và ngân sách, Ủy ban thống nhất, Ủy ban dân tộc, Ủy ban văn hóa - xã hội, và tại kỳ họp thứ 4, thành lập thêm Ủy ban đối ngoại. Quốc hội khóa V (1975-1976) duy trì 06 Ủy ban như nhiệm kỳ khóa IV. Sau khi thống nhất đất nước, Ủy ban thống nhất chấm dứt vai trò lịch sử của mình. Trong nhiệm kỳ khóa VI (1976-1981), tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã thành lập 06

1. Sau kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I.

2. Luật tổ chức Quốc hội năm 1960, đã được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II, kỳ họp thứ nhất, thông qua ngày 14-7-1960.



Ủy ban, đó là Ủy ban dự án pháp luật, Ủy ban kế hoạch và ngân sách; Ủy ban dân tộc, Ủy ban văn hóa và giáo dục, Ủy ban y tế và xã hội, Ủy ban đối ngoại.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa VII (1981-1987) và khóa VIII (1987-1992), Hội đồng dân tộc, các Ủy ban được thành lập và tổ chức theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981. Trong hai nhiệm kỳ này, Quốc hội đã thành lập Hội đồng dân tộc và 07 Ủy ban: Ủy ban pháp luật, Ủy ban kinh tế - kế hoạch và ngân sách, Ủy ban văn hóa và giáo dục, Ủy ban khoa học và kỹ thuật, Ủy ban y tế và xã hội, Ủy ban thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, Ủy ban đối ngoại.

Nhiệm kỳ khóa IX (1992-1997) và khóa X (1997-2002), Hội đồng dân tộc và các Ủy ban được tổ chức và hoạt động theo Luật tổ chức Quốc hội năm 1992¹. Quốc hội đã thành lập Hội đồng dân tộc và 07 Ủy ban: Ủy ban pháp luật, Ủy ban kinh tế và ngân sách, Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, Ủy ban về các vấn đề xã hội, Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường, Ủy ban quốc phòng và an ninh, Ủy ban đối ngoại. Trong đó, Ủy ban quốc phòng và an ninh lần đầu tiên được thành lập.

Trong nhiệm kỳ khóa XI (2002-2007), thực hiện quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 2001², Quốc hội có: Hội đồng dân tộc và 07 Ủy ban như khóa X. Tuy nhiên, số đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tăng lên với 120 đại biểu trong tổng số 498 đại biểu Quốc hội.

Đến nhiệm kỳ khóa XII (2007-2011), cơ cấu tổ chức của Quốc hội có sự thay đổi từ khi thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Quốc hội năm 2007³. Theo đó, số lượng Ủy ban của Quốc hội đã tăng thêm 02 Ủy ban: Ủy ban tư pháp⁴, Ủy ban tài chính, ngân sách⁵. Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội đã thành lập Hội đồng dân tộc và 09 Ủy ban: Ủy ban pháp luật, Ủy

1. Luật tổ chức Quốc hội năm 1992, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 11, thông qua ngày 15-4-1992.

2. Luật tổ chức Quốc hội năm 2001, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25-12-2001.

3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02-4-2007.

4. Trên cơ sở tách Ủy ban pháp luật thành Ủy ban pháp luật và Ủy ban tư pháp.

5. Trên cơ sở tách Ủy ban kinh tế và ngân sách thành Ủy ban kinh tế và Ủy ban tài chính, ngân sách.



ban tư pháp, Ủy ban kinh tế, Ủy ban tài chính và ngân sách, Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, Ủy ban về các vấn đề xã hội, Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường, Ủy ban quốc phòng và an ninh, Ủy ban đối ngoại. Số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách được tăng cường với 145 đại biểu, chiếm 29,41% tổng số đại biểu Quốc hội, tạo điều kiện tăng cường nguồn lực cán bộ cho các cơ quan của Quốc hội.

Nhiệm kỳ khóa XIII tiếp tục duy trì cơ cấu Hội đồng dân tộc, các Ủy ban như Quốc hội khóa XII. Tuy nhiên, số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tăng lên. Số lượng đầu nhiệm kỳ là 154 người¹, chiếm tỷ lệ 30,8% tổng số đại biểu Quốc hội, trong đó, số đại biểu chuyên trách trong thường trực Hội đồng dân tộc, các Ủy ban là 80 người. Cuối nhiệm kỳ có 87 đại biểu chuyên trách trong thường trực Hội đồng dân tộc, các Ủy ban.

3.1.2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội qua các nhiệm kỳ Quốc hội

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa I, ngoài Ban thường vụ Quốc hội là cơ quan hoạt động thường xuyên của Quốc hội, Quốc hội không thành lập thêm bất kỳ một Ủy ban thường vụ nào. Quốc hội chỉ thành lập các tiểu ban lâm thời tại kỳ họp để tham mưu cho Quốc hội thực hiện nhiệm vụ xem xét thông qua các dự án luật, các sắc luật. Mỗi tiểu ban có trưởng tiểu ban, phó trưởng tiểu ban và thuyết trình viên của tiểu ban. Trưởng tiểu ban có trách nhiệm điều hành hoạt động của tiểu ban; thuyết trình viên của tiểu ban có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo của tiểu ban về các dự án luật, sắc luật và trình bày báo cáo của tiểu ban trước phiên họp Quốc hội. Tiểu ban kết thúc nhiệm vụ khi dự án luật, sắc luật được thông qua.

Từ nhiệm kỳ Quốc hội khóa II đến nay, về cơ bản, các Ủy ban của Quốc hội có cơ cấu tổ chức bao gồm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, các Ủy viên của Ủy ban. Hội đồng dân tộc có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các Ủy viên Hội đồng. Tuy nhiên, tùy từng giai đoạn, theo quy định của pháp luật, cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban có sự khác nhau nhất định:

1. Đầu nhiệm kỳ, số đại biểu chuyên trách là 154 người, trong đó có 64 đại biểu chuyên trách ở địa phương, 90 đại biểu chuyên trách ở trung ương. Đến cuối nhiệm kỳ, số đại biểu chuyên trách là 158, trong đó 99 đại biểu chuyên trách trung ương, 59 đại biểu chuyên trách địa phương.



- Trong các nhiệm kỳ Quốc hội khóa II, III, IV, V và VI, theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 1960, các Ủy ban có thể có Phó Chủ nhiệm. Chủ nhiệm và các Ủy viên của Ủy ban do Quốc hội bầu theo sự đề cử của Chủ tịch Đoàn kỳ họp Quốc hội. Phó Chủ nhiệm Ủy ban do Ủy ban bầu ra trong số các Ủy viên của Ủy ban (Điều 34 Luật tổ chức Quốc hội năm 1960). Kể từ nhiệm kỳ khóa VII đến nay, Phó Chủ nhiệm Ủy ban được coi là chức danh không thể thiếu¹;

- Trong nhiệm kỳ khóa VII và khóa VIII, Hội đồng dân tộc của Quốc hội có cơ cấu tổ chức bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các Ủy viên; các Ủy ban của Quốc hội có cơ cấu tổ chức bao gồm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Thư ký và các Ủy viên. Theo Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng nhà nước năm 1981 thì “Hội đồng dân tộc, được bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội, tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Danh sách đề cử chức vụ từng người do Chủ tịch Quốc hội và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội giới thiệu chung, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu” (Điều 42 Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981); Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Thư ký và các Ủy viên. Quốc hội bầu Chủ nhiệm và các thành viên khác của Ủy ban theo danh sách do Chủ tịch Quốc hội và các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội giới thiệu chung, sau khi hỏi ý kiến các đoàn đại biểu. Phó Chủ nhiệm và Thư ký do Ủy ban cử trong số thành viên của Ủy ban. Số thành viên của mỗi Ủy ban do Quốc hội định (Điều 46 Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981). Như vậy, khác với các nhiệm kỳ trước và sau này, trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa VII và khóa VIII, cơ cấu Ủy ban còn có chức danh Thư ký Ủy ban;

- Trong các nhiệm kỳ từ khóa IX đến khóa XIII, mặc dù các khóa IX và X thực hiện theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 1992, các khóa XI, XII, XIII thực hiện theo quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 2001, nhưng Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội được thành lập và tổ chức tương tự nhau. Theo đó, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ tịch Hội đồng và các Ủy viên của

1. Sau Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981, Quốc hội thông qua các Luật tổ chức Quốc hội các năm 1992, 2001, 2014.



Hội đồng; Chủ nhiệm Ủy ban, các Phó Chủ nhiệm Ủy ban và các Ủy viên của Ủy ban đều do Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội theo danh sách đề cử chức vụ từng người do Chủ tịch Quốc hội giới thiệu (Điều 72, 73 Luật tổ chức Quốc hội năm 1992; Điều 82, 83 Luật tổ chức Quốc hội năm 2001). Số Phó Chủ tịch, Phó Chủ nhiệm và số Ủy viên của Hội đồng dân tộc và mỗi Ủy ban do Quốc hội quyết định.

Số thành viên hoạt động chuyên trách tại Hội đồng dân tộc, các Ủy ban trong nhiệm kỳ khóa IX và X do Quốc hội quyết định (Điều 72, 73 Luật tổ chức Quốc hội năm 1992), còn từ nhiệm kỳ khóa XI đến khóa XIII do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định (Điều 24, 25 Luật tổ chức Quốc hội năm 2001). Thực tiễn cho thấy, trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban khóa IX và X, có rất ít thành viên chuyên trách, chỉ đến nhiệm kỳ các khóa XI, XII, XIII mới có thêm nhiều thành viên chuyên trách. Đỉnh điểm là khóa XIII với tổng số thành viên hoạt động chuyên trách tại Hội đồng dân tộc, các Ủy ban đạt cao nhất là 80 người;

- Về bộ phận thường trực Hội đồng dân tộc, thường trực Ủy ban, kể từ nhiệm kỳ khóa XI đến nay, đây là bộ phận nòng cốt của Hội đồng, các Ủy ban. Theo quy định của Quy chế hoạt động của các Ủy ban của Quốc hội năm 1993¹, Chủ nhiệm Ủy ban và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban hợp thành bộ phận Thường trực Ủy ban. Đến Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội năm 2004², Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc và các Ủy viên thường trực Hội đồng dân tộc; Chủ nhiệm Ủy ban, Phó Chủ nhiệm Ủy ban và các Ủy viên thường trực Ủy ban hợp thành bộ phận thường trực Hội đồng dân tộc, thường trực Ủy ban. Và đến nay, quy định về thường trực Hội đồng dân tộc, các Ủy ban đã được ghi nhận trong Luật tổ chức Quốc hội năm 2014;

- Về việc thành lập các tiểu ban, kể từ Luật tổ chức Quốc hội năm 1960, vấn đề thành lập các tiểu ban chuyên môn thuộc Hội đồng dân tộc, các Ủy ban

1. Quy chế hoạt động của các ủy ban của Quốc hội, đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 07-7-1993.

2. Nghị quyết số 27/2004/NQ-QH11 ngày 15-6-2004 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội năm 2004.



đã được quy định và liên tục kế thừa qua các Luật tổ chức Quốc hội các thời kỳ¹. Tuy nhiên, tùy tình hình và nhiệm vụ, không phải Hội đồng dân tộc và tất cả các Ủy ban đều thành lập các tiểu ban chuyên môn. Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, chỉ có Hội đồng dân tộc và 05 Ủy ban: Ủy ban tài chính, ngân sách, Ủy ban kinh tế, Ủy ban về các vấn đề xã hội, Ủy ban quốc phòng và an ninh, Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường thành lập các tiểu ban thuộc cơ cấu của mình;

- Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII là nhiệm kỳ cuối thực hiện quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2007. Kể từ khi Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 có hiệu lực ngày 01-01-2015, việc hình thành Hội đồng dân tộc, các Ủy ban cũng có một số thay đổi. Đó là các Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng dân tộc; các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Ủy ban không còn do Quốc hội bầu mà do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội (Điều 53, 67 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014).

1. Điều 39 Luật tổ chức Quốc hội năm 1960 quy định: Nếu được Quốc hội đồng ý và trong thời gian Quốc hội không họp, nếu được Ủy ban thường vụ Quốc hội đồng ý, các Ủy ban của Quốc hội có thể lập ra các tiểu ban giúp việc. Trưởng tiểu ban phải là một thành viên của Ủy ban; các thành viên của Ủy ban có thể không phải là thành viên của Ủy ban hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

Điều 52 Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981 quy định: Các Ủy ban thường trực của Quốc hội thành lập các tiểu ban giúp việc với sự đồng ý của Hội đồng Nhà nước. Trưởng tiểu ban phải là thành viên của Ủy ban thường trực; các Ủy viên có thể không phải là thành viên của Ủy ban thường trực hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

Điều 34 Luật tổ chức Quốc hội năm 1992 quy định: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội thành lập các tiểu ban để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng, Ủy ban. Trưởng tiểu ban phải là thành viên của Hội đồng hoặc Ủy ban, các thành viên khác có thể không phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

Điều 42 Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 quy định: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội thành lập các tiểu ban để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng, Ủy ban. Trưởng tiểu ban phải là thành viên của Hội đồng hoặc Ủy ban, các thành viên khác có thể không phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.

Khoản 4 Điều 67 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định: Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội thành lập các tiểu ban để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng, Ủy ban. Trưởng tiểu ban phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban, các thành viên khác có thể không phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban hoặc không phải là đại biểu Quốc hội.



Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 cũng dành một điều riêng quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội (Điều 67 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014), như sau:

“1. Hội đồng dân tộc gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác. Ủy ban của Quốc hội gồm có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác.

2. Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội do Quốc hội bầu. Các Phó Chủ tịch, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các ủy viên khác của Hội đồng dân tộc; các Phó Chủ nhiệm, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Ủy ban do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

3. Thường trực Hội đồng dân tộc, thường trực Ủy ban của Quốc hội giúp Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng, Ủy ban trong thời gian Hội đồng, Ủy ban không họp.

Thường trực Hội đồng dân tộc gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên thường trực. Thường trực Ủy ban của Quốc hội gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên thường trực.

4. Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội thành lập các tiểu ban để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng, Ủy ban. Trưởng tiểu ban phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban, các thành viên khác có thể không phải là thành viên của Hội đồng, Ủy ban hoặc không phải là đại biểu Quốc hội”.

3.2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội khóa XIII

3.2.1. Hội đồng dân tộc

Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XIII, Hội đồng dân tộc được bầu với 40 thành viên, trong đó 39 thành viên là người dân tộc thiểu số và 01 thành viên là người dân tộc Kinh. Trong nhiệm kỳ có 01 thành viên từ trần. Cơ cấu của Hội đồng dân tộc bao gồm thường trực Hội đồng dân tộc 07 người¹; số thành viên của Hội đồng dân tộc công tác tại địa phương là 31 người². Nhiệm kỳ khóa XIII,

1. Bao gồm Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên thường trực.

2. Bao gồm 06 thành viên hoạt động chuyên trách tại địa phương, là Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội và 24 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, công tác tại các cơ quan, đơn vị công lập và doanh nghiệp tại địa phương.



thường trực Hội đồng dân tộc được bổ sung thêm 02 thành viên, nâng số thành viên thường trực lên 09 người (Chủ tịch, 06 Phó Chủ tịch và 02 Ủy viên thường trực¹). Trong khi khóa XII, thường trực Hội đồng dân tộc có 06 người, gồm Chủ tịch và 5 Phó Chủ tịch Hội đồng. Như vậy, số thành viên thường trực Hội đồng dân tộc khóa XIII nhiều hơn 03 người so với khóa XII.

Hội đồng dân tộc thành lập 3 tiểu ban chuyên môn theo dõi các lĩnh vực do Hội đồng dân tộc phụ trách, gồm: Tiểu ban pháp luật - nội chính, Tiểu ban kinh tế, Tiểu ban văn hóa - xã hội. Mỗi tiểu ban gồm từ 9-10 thành viên, do một Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc làm trưởng tiểu ban. Trong khi Hội đồng dân tộc nhiệm kỳ khóa XII đã thành lập 04 tiểu ban: pháp luật, kinh tế và ngân sách, văn hóa và giáo dục, y tế và các vấn đề xã hội.

3.2.2. Ủy ban pháp luật

Ủy ban pháp luật gồm có 40 thành viên, bao gồm Chủ nhiệm, 04 Phó Chủ nhiệm, 04 Ủy viên thường trực và 30 Ủy viên. Đầu năm 2012, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã phê chuẩn bổ sung 01 Ủy viên thường trực trong số các thành viên Ủy ban pháp luật. Tại kỳ họp thứ 6 (tháng 11-2013), Quốc hội đã bầu bổ sung 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật trong số các Ủy viên thường trực của Ủy ban. Tiếp đó, thực hiện thẩm quyền theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định điều chuyển 01 Ủy viên thường trực của Ủy ban sang làm Ủy viên thường trực Ủy ban đối ngoại; phê chuẩn bổ sung 01 Ủy viên thường trực Ủy ban pháp luật trong số các thành viên Ủy ban; phê chuẩn bổ sung 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật trong số các đại biểu Quốc hội.

Trong tổng số 40 thành viên, Ủy ban pháp luật có 16 thành viên làm việc tại các cơ quan, tổ chức ở trung ương, bao gồm: 11 thành viên làm việc chuyên trách tại thường trực Ủy ban pháp luật (gồm có Chủ nhiệm, 04 Phó Chủ nhiệm và 04 Ủy viên thường trực) và 05 thành viên làm việc tại các cơ quan khác ở trung ương; 24 thành viên còn lại làm việc tại các cơ quan, tổ chức ở địa phương, trong đó có 14 thành viên là Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương. Tổng số thành viên nữ của Ủy ban là 08/40 thành viên, chiếm tỷ

1. Từ tháng 11-2015, Bộ Chính trị phân công, Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ sung 01 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Ban Nội chính Trung ương tham gia thường trực Hội đồng, giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc khóa XIII.



lệ 20%. Trong nhiệm kỳ Quốc hội XIII, một số Ủy viên Ủy ban đã có sự thay đổi đơn vị công tác, được điều động, đề bạt bổ nhiệm giữ chức vụ mới. So với thường trực Ủy ban pháp luật nhiệm kỳ khóa XII, số thành viên thường trực Ủy ban pháp luật nhiệm kỳ khóa XIII nhiều hơn 05 thành viên.

3.2.3. Ủy ban tư pháp

Ủy ban tư pháp khóa XIII gồm có 30 thành viên, gồm Chủ nhiệm, 05 Phó Chủ nhiệm, 03 Ủy viên thường trực và 21 Ủy viên kiêm nhiệm. Cơ cấu của Ủy ban có các thành viên hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, đa dạng về độ tuổi, chuyên môn, vị trí và kinh nghiệm công tác. Trong nhiệm kỳ, một số thành viên Ủy ban đã được điều động, đề bạt, bổ nhiệm giữ chức vụ mới: 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban và 01 thành viên Ủy ban được Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; 01 Ủy viên thường trực được bổ nhiệm làm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thường trực Ủy ban tư pháp gồm Chủ nhiệm, 05 Phó Chủ nhiệm và 03 Ủy viên thường trực. Ủy ban được tổ chức 05 nhóm công tác¹, mỗi nhóm do một đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban phụ trách tổ chức công việc của nhóm mà không thành lập các tiểu ban.

1. Nhóm 1 có nhiệm vụ nghiên cứu, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết về hình sự, tổ chức và hoạt động của các cơ quan điều tra; thẩm tra báo cáo của Chính phủ về tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm; công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm; giám sát hoạt động của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Nhóm 2 có nhiệm vụ nghiên cứu, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết về tố tụng hình sự, tổ chức bộ máy, biên chế của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giám sát hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Nhóm 3 có nhiệm vụ nghiên cứu, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết về tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và các dự án khác do Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, tổ chức bộ máy, biên chế của Tòa án, thẩm tra báo cáo công tác của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân. Nhóm 4 có nhiệm vụ nghiên cứu, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết về thi hành án, trợ giúp pháp lý; thẩm tra báo cáo của Chính phủ về công tác thi hành án; giám sát tổ chức bộ máy và hoạt động thi hành án, trợ giúp pháp lý. Nhóm 5 có nhiệm vụ nghiên cứu, thẩm tra các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết về lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; thẩm tra báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng; giám sát việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng. (Nguồn: Báo cáo số 3299/BC-UBTP13 ngày 23-3-2016 về Tổng kết hoạt động của Ủy ban tư pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII)



3.2.4. Ủy ban kinh tế

Ủy ban kinh tế gồm có 45 thành viên¹, trong đó có 08 thành viên thường trực Ủy ban², gồm Chủ nhiệm, 04 Phó Chủ nhiệm, 03 Ủy viên thường trực và 31 Ủy viên. Các thành viên Ủy ban có sự đa dạng về chuyên môn, độ tuổi, vị trí công tác và hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong nhiệm kỳ, theo yêu cầu của công tác tổ chức và do có sự phân công, điều động, nhân sự thường trực Ủy ban và số lượng thành viên Ủy ban có sự thay đổi³. Cuối nhiệm kỳ, Ủy ban còn 43 thành viên, trong đó có 07 thành viên thường trực.

Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban đã thành lập 04 tiểu ban: (1) kinh tế ngành; (2) kinh tế tổng hợp; (3) nông nghiệp và phát triển nông thôn; (4) thương mại - dịch vụ⁴. Mỗi tiểu ban do 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban phụ trách, tổ chức công việc. Các Ủy viên thường trực và các thành viên Ủy ban khác được phân công hoạt động trong các tiểu ban. Ngoài ra, Ủy ban cũng phân công 01 Phó Chủ nhiệm chỉ đạo công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri, công dân, công tác tài chính và tổng hợp.

3.2.5. Ủy ban tài chính, ngân sách

Ủy ban tài chính, ngân sách gồm có 35 thành viên, trong đó có 09 thành viên trong thường trực Ủy ban⁵ và 26 Ủy viên.

Các thành viên Ủy ban được cơ cấu vào 04 tiểu ban bao gồm: Tiểu ban

1. Nhiều hơn 09 thành viên so với Ủy ban kinh tế khóa XII.

2. Bảng số thành viên thường trực Ủy ban khóa XII.

3. Cụ thể tháng 3-2013, có 01 Ủy viên thường trực chuyển công tác; tháng 3-2014, có 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban được điều động, luân chuyển làm Phó Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Hậu Giang; tháng 8-2014, bổ sung 01 Ủy viên thường trực; 02 thành viên Ủy ban được điều động nhận công tác chuyên trách tại Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường, Ủy ban pháp luật.

4. Bảng số Tiểu ban chuyên môn của Ủy ban kinh tế khóa XII, gồm Tiểu ban công nghiệp - xây dựng, kế hoạch - đầu tư; Tiểu ban ngân hàng - tiền tệ - tín dụng; Tiểu ban nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tiểu ban thương mại-dịch vụ-giá cả, nhưng có sự khác nhau về tên và lĩnh vực phụ trách.

5. Gồm 01 Chủ nhiệm, 04 Phó Chủ nhiệm, 04 Ủy viên thường trực Ủy ban, nhiều hơn 02 người so với số thành viên thường trực Ủy ban nhiệm kỳ khóa XII.



tổng hợp dự toán và phối hợp chính sách¹; Tiểu ban đầu tư công²; Tiểu ban Chính sách và thu ngân sách³; Tiểu ban quyết toán, kiểm toán⁴.

3.2.6. Ủy ban về các vấn đề xã hội

Ủy ban về các vấn đề xã hội gồm có 50 thành viên⁵, trong đó có 29 nam và 21 nữ; 26 đại biểu tái cử và 24 đại biểu tham gia Quốc hội lần đầu, 1 đại biểu đã mất. Thường trực Ủy ban có 10 đại biểu⁶, nhiều hơn số thành viên thường trực Ủy ban khóa XII có 06 đại biểu⁷. Cơ cấu thành viên của Ủy ban về các vấn đề xã hội gồm 10 đại biểu chuyên trách ở trung ương, 10 đại biểu chuyên trách ở địa phương (40%), 30 đại biểu kiêm nhiệm (60%).⁸ Cuối nhiệm kỳ, một đồng chí Phó Chủ nhiệm được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban; đồng chí nguyên Chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội được bầu vào Bộ Chính trị và nhận công tác mới.

Ủy ban thành lập 05 tiểu ban chuyên môn: Tiểu ban lao động - việc làm, Tiểu ban y tế - dân số, Tiểu ban người có công và bảo trợ xã hội, Tiểu ban tôn giáo - giới và Tiểu ban phòng, chống HIV/AIDS và tệ nạn xã hội; mỗi tiểu ban gồm 9-10 thành viên, do một Phó Chủ nhiệm Ủy ban làm trưởng tiểu ban. Số tiểu ban nhiệm kỳ khóa XIII nhiều hơn 01 so với nhiệm kỳ khóa XII có 04 tiểu ban: Tiểu ban lao động, Tiểu ban y tế - dân số, Tiểu ban bảo trợ xã hội, Tiểu ban tôn giáo - giới.

1. Gồm 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban làm trưởng tiểu ban, 01 Ủy viên thường trực Ủy ban là phó trưởng tiểu ban và 09 thành viên.

2. Gồm 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban làm trưởng tiểu ban, 01 Ủy viên thường trực Ủy ban là phó trưởng tiểu ban và 07 thành viên.

3. Gồm 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban làm trưởng tiểu ban, 01 Ủy viên thường trực Ủy ban là Phó trưởng tiểu ban và 06 thành viên.

4. Gồm 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban làm trưởng tiểu ban, 01 Ủy viên thường trực Ủy ban là Phó trưởng tiểu ban và 06 thành viên.

5. Nhiều hơn 10 thành viên so với khóa XII.

6. Gồm 01 Chủ nhiệm, 05 Phó Chủ nhiệm và 04 Ủy viên thường trực.

7. Gồm 01 Chủ nhiệm, 04 Phó Chủ nhiệm và 01 ủy viên chuyên trách.

8. Thành phần cơ cấu gồm: 07 đại biểu ngành Y tế; 03 đại biểu công tác phụ nữ; 07 đại biểu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Công đoàn; 03 đại biểu công tác Đảng; 02 đại biểu công tác Mặt trận Tổ quốc; 02 đại biểu là chức sắc tôn giáo; 01 đại biểu ngành Công an; 04 đại biểu công tác ở các hội (Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ, Hội Nạn nhân chất độc da cam) và 01 đại biểu làm doanh nghiệp.



3.2.7. Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng

Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng gồm có 43 thành viên, gồm 14 nữ (chiếm 32,6%) và 29 nam (chiếm 67,4%); có 13 đại biểu hoạt động chuyên trách ở trung ương và địa phương (30,2%), 30 đại biểu kiêm nhiệm (69,8%)¹.

Đầu nhiệm kỳ, thường trực Ủy ban có 08 thành viên, trong đó có Chủ nhiệm, 04 Phó Chủ nhiệm và 03 Ủy viên thường trực. Chủ nhiệm phụ trách chung các công việc của Ủy ban. Các Phó Chủ nhiệm phụ trách các lĩnh vực, bao gồm: lĩnh vực văn hóa, thể thao và thông tin; lĩnh vực giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; lĩnh vực giáo dục phổ thông và mầm non và lĩnh vực thanh niên và trẻ em. Đến giữa nhiệm kỳ, với việc phân công cho Ủy ban phụ trách thêm một số lĩnh vực theo Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, Ủy ban đã được bổ sung thêm một Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực thanh niên, thể thao và du lịch và đưa tôn giáo vào lĩnh vực văn hóa.

Cuối nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ủy ban còn 42 người. Cơ cấu thường trực Ủy ban cũng có sự thay đổi. Tổng số thành viên thường trực Ủy ban nhiệm kỳ khóa XIII là 9 người, gồm 01 Chủ nhiệm, 06 Phó Chủ nhiệm và 02 Ủy viên thường trực, nhiều hơn 01 người so với khóa XII.

3.2.8. Ủy ban quốc phòng và an ninh

Ủy ban quốc phòng và an ninh gồm có 36 thành viên, nhiều hơn 02 thành viên so với khóa trước². Số lượng Phó Chủ nhiệm và Ủy viên thường trực Ủy ban tăng thêm so với khóa trước.

Thường trực Ủy ban gồm 07 người³; gồm Chủ nhiệm, 03 Phó Chủ nhiệm và 03 Ủy viên thường trực.

1. Các đại biểu hoạt động trong các lĩnh vực: văn hóa (04 đại biểu), giáo dục và đào tạo (12 đại biểu), công tác đoàn thể chính trị - xã hội (27 đại biểu). Các Ủy viên Ủy ban đều có trình độ đại học trở lên, trong đó có 08 Ủy viên có học hàm, học vị là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học và Tiến sĩ.

2. Cơ cấu thành viên Ủy ban như sau: 17 đại biểu là sĩ quan quân đội, 11 đại biểu là sĩ quan công an và 08 đại biểu là cán bộ lãnh đạo các cơ quan dân - chính - đảng ở trung ương và địa phương; 02 nữ đại biểu Quốc hội, 04 đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương.

3. Nhiều hơn 01 người so với khóa trước.



Đầu nhiệm kỳ, Ủy ban đã thành lập 04 tiểu ban: Tiểu ban quốc phòng; Tiểu ban an ninh; Tiểu ban trật tự, an toàn xã hội; Tiểu ban kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại để giúp Ủy ban thực hiện các nhóm công việc thuộc lĩnh vực Ủy ban phụ trách. Mỗi tiểu ban do một đồng chí Phó Chủ nhiệm hoặc Ủy viên thường trực Ủy ban làm trưởng tiểu ban.

3.2.9. Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường

Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường gồm có 33 thành viên Ủy ban¹, trong đó thường trực Ủy ban có 08 đại biểu chuyên trách: Chủ nhiệm Ủy ban, 04 Phó Chủ nhiệm Ủy ban và 03 Ủy viên thường trực Ủy ban. Ở địa phương có 07 đại biểu Quốc hội chuyên trách và 18 đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm công tác tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, sở, ban ngành địa phương. Tháng 3-2014, có 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban được Trung ương điều động luân chuyển công tác về địa phương. Năm 2015, Thường trực Ủy ban được bổ sung 01 Phó Chủ nhiệm Ủy ban từ nguồn tại chỗ, bổ sung 01 đại biểu Quốc hội về làm Ủy viên chuyên trách tại Ủy ban, nâng số lượng thành viên Ủy ban lên 34 người, thường trực Ủy ban vẫn giữ ổn định là 08 người. Số thành viên thường trực Ủy ban khóa XIII bằng số thành viên thường trực Ủy ban nhiệm kỳ khóa XII.

Ủy ban đã thành lập 04 tiểu ban chuyên môn tương tự như khóa XII, mỗi tiểu ban do 01 đồng chí Phó Chủ nhiệm làm trưởng tiểu ban.

3.2.10. Ủy ban đối ngoại

Ủy ban đối ngoại có 36 thành viên² gồm: Chủ nhiệm, 03 Phó Chủ nhiệm, 01 Ủy viên thường trực và 31 thành viên. Tiếp đó, thực hiện chủ trương tăng cường và kiện toàn đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương, từ năm 2014, Ủy ban đối ngoại đã được bổ nhiệm, điều động, bổ sung thêm 01 Phó Chủ nhiệm, 02 Ủy viên thường trực, và 01 Ủy viên chuyên trách, nâng số lượng

1. Các thành viên Ủy ban đều có trình độ đại học và trên đại học. Một số đã tham gia nhiều nhiệm kỳ Quốc hội, một số có học hàm, học vị khoa học cao, trình độ chuyên môn sâu, có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động Quốc hội.

2. Tăng 06 thành viên so với khóa XII.



thành viên của Ủy ban lên 38 người, số thành viên thường trực Ủy ban lên 08 người, nhiều hơn 04 người so với thường trực Ủy ban khóa XII.

Về cơ cấu tổ chức, ngoài 08 đại biểu hoạt động theo chế độ chuyên trách ở trung ương và 6 đại biểu hoạt động theo chế độ chuyên trách ở địa phương, đa số các thành viên của Ủy ban hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm¹, công tác ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đã hoặc đang đảm nhiệm các vị trí quan trọng ở các cơ quan trung ương và địa phương; nhiều thành viên có kiến thức đối ngoại chuyên sâu cả về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn.

Như vậy, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII đã kế thừa và phát huy những bài học kinh nghiệm trong tổ chức của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban các khóa trước, nhất là khóa XII để thực hiện tốt hơn các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đi vào chiều sâu và nâng cao hơn nữa chất lượng hiệu quả hoạt động.

Số lượng, cơ cấu thành viên của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban bước đầu đáp ứng được yêu cầu, nhiều Ủy ban được tăng cường thêm thành viên, đặc biệt là bộ phận thường trực Hội đồng dân tộc, Ủy ban, với cơ cấu là những đại biểu có uy tín, trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm hoạt động Quốc hội, hoặc hoạt động thực tiễn phù hợp với lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách. Số lượng thường trực Hội đồng dân tộc, các Ủy ban tuy không nhiều và có sự biến động nhưng được lựa chọn kỹ, luôn đoàn kết, gắn bó. Các thành viên luôn phát huy được sức mạnh tập thể, ý thức trách nhiệm cao, chủ động tăng cường phối hợp với các ngành và triển khai nhiệm vụ, thực hiện tốt các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình theo phương châm “đúng vai, thuộc việc”.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban đã tiến hành phân chia cơ cấu tổ chức theo các lĩnh vực chuyên sâu với cơ chế hoạt động linh hoạt, cùng với việc ban hành Quy chế làm việc² đã tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên chủ động tham gia các hoạt động phù hợp với khả năng, nhu cầu, lĩnh vực hoạt động cũng như quỹ thời gian của mình; tăng cường sự phối hợp trong các nội dung hoạt động; phát huy sức mạnh tập thể, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban. Trong đó, việc

1. Thành viên Ủy ban hoạt động kiêm nhiệm là 24/38, chiếm tỷ lệ 63,1 %.

2. Hội đồng dân tộc ban hành Quy chế hoạt động của thường trực Hội đồng dân tộc, Ủy ban về các vấn đề xã hội ban hành Quy chế hoạt động của thường trực Ủy ban.



hình thành các tiểu ban chuyên môn ở Hội đồng dân tộc và một số Ủy ban đã thể hiện sự kế thừa, đổi mới, phát triển trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban. Qua đó, đã góp phần tăng cường tính chuyên sâu theo lĩnh vực hoạt động, phát huy sở trường của từng thành viên, tăng cường tính tự chủ, sáng tạo trong hoạt động của các tiểu ban chuyên môn.

Hội đồng dân tộc, các Ủy ban cũng thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc và sự phân công của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trong công tác lập pháp, giám sát, chất vấn, giải trình, nghiên cứu khoa học, hoạt động đối ngoại và các hoạt động khác; thực hiện sự chỉ đạo điều hòa, phối hợp hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong mọi hoạt động, nhất là hoạt động giám sát, chất vấn, giải trình; thường xuyên bảo đảm mối quan hệ phối hợp tốt với các Ủy ban khác của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Ban, Viện của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công phụ trách. Hội đồng dân tộc và các Ủy ban cũng thường xuyên duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan tư pháp ở trung ương, các đoàn thể, cơ quan nghiên cứu khoa học, tổ chức quốc tế; giữ mối liên hệ mật thiết với thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; phối hợp tổ chức, mời tham dự các hội nghị, hội thảo, phiên giải trình của Hội đồng, các Ủy ban. Trong nhiệm kỳ khóa XIII, thường trực Hội đồng dân tộc và một số Ủy ban đã phối hợp với một số cơ quan liên quan ban hành được Quy chế phối hợp công tác. Đây là một bước tiến lớn góp phần thúc đẩy các hoạt động của Ủy ban đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả và gần với thực tiễn hơn.

4. Về bộ máy tham mưu, giúp việc của Quốc hội

4.1. Quá trình hình thành, đổi mới và phát triển về bộ máy tham mưu, giúp việc Quốc hội

4.1.1. Văn phòng Ban thường vụ Quốc hội (Ban thường vụ Nghị viện nhân dân) từ năm 1946 đến năm 1960

Sau cuộc Tổng tuyển cử ngày 06-01-1946, kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa I đã khai mạc tại Nhà hát Lớn Hà Nội vào ngày 02-3-1946 để thông qua danh sách và công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng



dầu và quyết định bầu Ban thường vụ Quốc hội (Ban thường vụ Nghị viện nhân dân) gồm 15 Ủy viên chính thức và 03 Ủy viên dự khuyết.

Để giúp Ban thường vụ Quốc hội thực thi nhiệm vụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã điều động một số cán bộ, nhân viên từ Văn phòng Chính phủ sang phục vụ Ban thường vụ, trước hết là phục vụ Trưởng ban trong mọi hoạt động liên lạc với Chính phủ và làm những công việc văn phòng như: in, phát tài liệu, thông tin liên lạc, tổ chức công tác tài chính, sắp xếp nơi ăn, ở cho các đại biểu Quốc hội, tổ chức hội nghị cho Ban thường vụ...

Mặc dù chưa có một văn bản pháp quy nào quy định về việc thành lập Văn phòng Ban thường vụ Quốc hội, số lượng cán bộ còn rất ít, nhưng hoạt động của Văn phòng thời kỳ này đều rất thiết thực, góp phần vào việc bảo đảm các điều kiện hoạt động cho Ban thường vụ ngay từ khi mới ra đời. Vì thế, ngày 02-3-1946 có giá trị lịch sử là ngày mở đầu truyền thống hoạt động của Văn phòng Quốc hội.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Văn phòng Ban thường vụ Quốc hội đã tích cực phối hợp với Văn phòng Chính phủ trong việc thi hành những phương sách thích hợp để chăm lo đời sống nhân dân, tăng cường đoàn kết dân tộc, xây dựng Mặt trận dân tộc quốc gia liên hiệp thống nhất để chống xâm lược. Trong hoàn cảnh chiến tranh gian khổ, địa bàn chia cắt, Ban thường vụ nắm bắt và chỉ đạo kịp thời, bảo đảm thông suốt các đường dây liên lạc giữa Ban thường vụ với các Đoàn đại biểu Quốc hội.

Giai đoạn từ cuối năm 1954 đến năm 1960, cách mạng nước ta bước vào giai đoạn mới với đặc điểm lớn nhất là đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Nhân dân Việt Nam phải cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Ban thường vụ Quốc hội được bổ sung nhiều nhiệm vụ mới. Vì vậy, việc kiện toàn tổ chức bộ máy phục vụ đã được lãnh đạo Văn phòng quan tâm trực tiếp chỉ đạo. Nhiệm vụ của Văn phòng đã được cụ thể hóa và phân công theo mảng công việc. Sau nhiều lần bổ sung cán bộ, tính đến tháng 12-1958, tổng biên chế của Văn phòng là



41 người, trong đó có 13 Ủy viên Ban thường vụ Quốc hội và 28 cán bộ, nhân viên. Trong giai đoạn này, Văn phòng Ban thường vụ Quốc hội đã phục vụ Ban thường vụ soạn thảo Lời kêu gọi Nhân dân toàn quốc đoàn kết chặt chẽ chung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh thi hành triệt để Hiệp định Giơnevơ, củng cố hòa bình và tiến tới thực hiện thống nhất Tổ quốc; phục vụ Ban sửa đổi Hiến pháp; nghiên cứu các dự án luật mà Chính phủ gửi sang, đề xuất vấn đề liên quan đến nội dung dự án, xây dựng các bản thuyết trình về các dự án sắc luật...

4.1.2. Văn phòng Ủy ban thường vụ Quốc hội từ năm 1960 đến năm 1981

Theo Điều 53 Hiến pháp năm 1959, Ủy ban thường vụ Quốc hội có 18 nhiệm vụ, trong đó có nhiều nhiệm vụ mới so với Ban thường vụ Quốc hội như quyền ra pháp lệnh, quyền quyết định việc trưng cầu ý dân... Việc tăng quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội đặt ra yêu cầu phải đổi mới bộ máy của cơ quan giúp việc Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

Trong giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1975, Văn phòng Ủy ban thường vụ Quốc hội đã phục vụ các hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, chủ yếu tập trung vào các thủ tục hành chính cho các kỳ họp, chỉnh lý biên bản, tổng hợp, sắp xếp các ý kiến tham luận của đại biểu Quốc hội trong các cuộc họp, tập hợp các yêu cầu chất vấn của đại biểu Quốc hội để gửi các bộ, ngành liên quan; phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và theo dõi hoạt động của Hội đồng nhân dân; phục vụ công tác đối ngoại của Quốc hội.

Từ cuối những năm 1970, tổng số cán bộ, nhân viên của Văn phòng tăng lên khoảng 100 người. Ngày 30-4-1975, miền Nam nước ta được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn này, Văn phòng Ủy ban thường vụ Quốc hội có sự phát triển cả về tổ chức và hoạt động. Văn phòng bắt đầu tuyển dụng cán bộ trẻ, có trình độ đại học để đáp ứng khối lượng công việc ngày càng tăng. Tập thể cán bộ, nhân viên Văn phòng đã phát huy quyền làm chủ tập thể, đề cao tinh thần



trách nhiệm, chủ động sáng tạo, tăng cường đoàn kết và hợp tác, nâng cao tính nguyên tắc, tính tổ chức, tính kỷ luật, đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong cơ quan, thực hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền và các đoàn thể nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất của cơ quan.

4.1.3. Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước từ năm 1981 đến năm 1992

Ngày 03-7-1981, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VII đã biểu quyết thông qua Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Điều 56 của Luật quy định: Hội đồng Nhà nước tổ chức Văn phòng để giúp việc cho Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Ngày 06-7-1981, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Nghị quyết quy định về tổ chức, nhiệm vụ của Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước¹. Điều 1 của Nghị quyết nêu rõ: “Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước là cơ quan giúp việc Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, có trách nhiệm phục vụ mọi hoạt động của Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Quốc hội, các Hội đồng và Ủy ban của Quốc hội”. Nghị quyết xác định Văn phòng có 15 nhiệm vụ, quyền hạn như sau: nghiên cứu, xây dựng chương trình và tổ chức phục vụ các kỳ họp của Quốc hội, các phiên họp của Hội đồng Nhà nước; nghiên cứu, phục vụ công tác lập pháp, giám sát tối cao; nghiên cứu, tổ chức phục vụ Quốc hội xét và quyết định kế hoạch nhà nước và ngân sách nhà nước, vấn đề đặc xá, vấn đề chiến tranh và hòa bình, quản lý công tác hành chính của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước...

Để thực hiện nhiệm vụ do Quốc hội và Hội đồng Nhà nước giao, Văn phòng đã xây dựng đề án kiện toàn lại cơ cấu tổ chức cho phù hợp với yêu cầu thực tế; sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bổ sung, tăng cường cán bộ cho các bộ phận công tác, đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả về lý luận chính trị, cả về nghiệp vụ chuyên môn. Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước được tổ chức gồm 08 đơn vị cấp vụ và 01 đơn vị cấp phòng. Để thực hiện trách nhiệm là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, ngày 10-10-1984,

1. Nghị quyết số 01-NQ/HĐNN7 ngày 06-7-1981 của Hội đồng Nhà nước quy định về tổ chức, nhiệm vụ của Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.



Chủ nhiệm Văn phòng đã ban hành Quy chế công tác của Văn phòng, trong đó quy định trách nhiệm của cán bộ, nhân viên cũng như chức năng, nhiệm vụ của các vụ, đơn vị trong Văn phòng.

Trải qua hai nhiệm kỳ, từ Quốc hội khóa VII đến khóa VIII, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng cán bộ, nhân viên Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước đã đoàn kết phấn đấu, thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác. Văn phòng đã có nhiều tiến bộ cả về nội dung, phương pháp phục vụ, quan tâm đến việc xây dựng nội bộ cơ quan, thực hiện sắp xếp, cải tiến bộ máy làm việc; chăm lo đời sống cán bộ, công nhân, viên chức và đã đạt hiệu quả công tác tốt, góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước.

4.1.4. Văn phòng Quốc hội từ năm 1992 đến năm 2002

Thực hiện quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 1992, ngày 26-9-1992, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/UBTVQH9 đổi tên Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước thành Văn phòng Quốc hội. Ngày 17-10-1992, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 02/NQ-UBTVQH9 quy định tổ chức, nhiệm vụ của Văn phòng Quốc hội nhằm tạo cơ sở pháp lý toàn diện cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan giúp việc, đáp ứng yêu cầu đổi mới về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

Về cơ cấu tổ chức, Văn phòng Quốc hội có 17 vụ và đơn vị tương đương cấp vụ, bao gồm:

- Các vụ do thường trực Hội đồng dân tộc hoặc thường trực các Ủy ban của Quốc hội chỉ đạo về công tác chuyên môn, nghiệp vụ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chỉ đạo các mặt công tác khác (gồm 08 vụ);
- Các vụ do Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo về công tác chuyên môn nghiệp vụ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chỉ đạo các mặt công tác khác (gồm 02 vụ);
- Các vụ và đơn vị tương đương cấp vụ do Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chỉ đạo về các mặt công tác (gồm 7 vụ, đơn vị).

Trong giai đoạn này, qua hai nhiệm kỳ Quốc hội từ khóa IX đến khóa X, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội đã từng bước được kiện toàn, có đầy đủ



các vụ chuyên môn để giúp các cơ quan của Quốc hội. Đội ngũ cán bộ, công chức của Văn phòng ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, nhiều cán bộ công chức có trình độ cao về pháp lý, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước,... được bổ sung để đáp ứng yêu cầu công việc của Quốc hội.

4.1.5. Văn phòng Quốc hội và các cơ quan giúp việc khác của Quốc hội từ năm 2002 đến năm 2011

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Quốc hội, ngày 17-3-2003, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã quyết định thành lập 03 cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội là Ban công tác lập pháp, Ban công tác đại biểu và Ban dân nguyện. Đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của công tác tham mưu phục vụ, ngày 01-10-2003, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội¹. Theo đó, Văn phòng Quốc hội là cơ quan giúp việc của Quốc hội, có chức năng nghiên cứu, tham mưu tổng hợp và tổ chức phục vụ các hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội; các hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ban công tác lập pháp là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, có trách nhiệm giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội về công tác xây dựng pháp luật. Ban công tác đại biểu là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, có trách nhiệm giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu. Ban dân nguyện là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, có trách nhiệm giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội về công tác dân nguyện.

Ngày 29-4-2008, sau khi giải thể Ban công tác lập pháp; đồng thời triển khai chủ trương “Thành lập Viện nghiên cứu lập pháp của Quốc hội” nêu trong Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị², Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về việc thành lập Viện nghiên cứu lập pháp³. Viện nghiên cứu

1. Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 01-10-2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội.

2. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về việc chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

3. Nghị quyết số 614/2008/UBTVQH12 ngày 29-4-2008 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Viện nghiên cứu lập pháp.



lập pháp là cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, có chức năng nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về tổ chức và hoạt động của Quốc hội; tổ chức thông tin khoa học để hỗ trợ việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

Tiếp tục phát huy kết quả đạt được trong các nhiệm kỳ trước, trong giai đoạn này, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan giúp việc khác của Quốc hội luôn bám sát và thực hiện nghiêm túc công tác tham mưu, phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Do có sự điều chỉnh về mặt quản lý và điều hành công việc chuyên môn của các vụ trực tiếp phục vụ các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội có sự linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành công việc, tăng cường sự phối hợp giữa các vụ, đơn vị nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trong công tác tham mưu, phục vụ Quốc hội.

4.2. Bộ máy tham mưu, giúp việc Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII

Bộ máy tham mưu, giúp việc của Quốc hội khóa XIII bao gồm: Văn phòng Quốc hội; các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ban công tác đại biểu, Ban dân nguyện và Viện nghiên cứu lập pháp; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cùng với sự đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy tham mưu, giúp việc của Quốc hội cũng là một nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII.

4.2.1. Những đổi mới về tổ chức của Văn phòng Quốc hội

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội đã quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chuyên sâu và hiệu quả. Văn phòng đã xây dựng Đề án đổi mới Văn phòng Quốc hội để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội¹. Theo đó, Văn phòng Quốc hội được tổ chức lại theo hướng đổi

1. Nghị quyết số 618/2013/UBTVQH13 ngày 10-7-2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội.



mới mô hình tổ chức bộ máy tham mưu, giúp việc ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả, hợp lý, không tăng nhiều biên chế; phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng; có sự liên thông, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các vụ, đơn vị, bảo đảm không chồng chéo và phân tán nguồn lực để nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, giữ vững vai trò chủ đạo trong việc hỗ trợ hoạt động của Quốc hội¹.

Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phục vụ Quốc hội trước tình hình mới, Văn phòng Quốc hội đã phối hợp với Thường trực Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về cơ cấu, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các vụ, đơn vị và ban hành các Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng Phòng trực thuộc các vụ, đơn vị². Văn phòng Quốc hội đã trình Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua Đề án vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu ngạch cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Văn phòng; ban hành Nghị quyết bổ sung biên chế giai đoạn 2014-2016 của Văn phòng Quốc hội. Đến nay, về cơ bản, tổ chức bộ máy của Văn phòng đã dần ổn định, cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nhiệm kỳ vừa qua cơ bản đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu đề ra, bảo đảm đúng quy trình, thủ tục, đúng mục tiêu, chỉ tiêu, theo tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn ngạch, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành cũng như chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn phục vụ hoạt động của Quốc hội. Nội dung đào tạo từng bước phù hợp với từng vị trí việc làm, kết quả đào tạo, bồi dưỡng được nâng lên đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng nhiệm vụ tham mưu, phục vụ của Văn phòng Quốc hội.

1. Trên cơ sở Nghị quyết này, Văn phòng Quốc hội đã thành lập mới một số vụ, đơn vị: Vụ lễ tân, Vụ thông tin, thư viện Quốc hội, Vụ phục vụ hoạt động giám sát; tổ chức và sắp nhập: Phòng bảo vệ, Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng về Cục quản trị; sáp nhập Phòng tài chính-kế toán về Vụ kế hoạch-tài chính; thành lập Nhà khách Quốc hội tại Hà Nội trên cơ sở sáp nhập Nhà khách 27A Trần Hưng Đạo và Nhà khách Hoàng Cầu.

2. Quyết định số 401/QĐ-VPQH ngày 27-3-2014 của Văn phòng Quốc hội quy định về cơ cấu, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các vụ, đơn vị thuộc Văn phòng Quốc hội.



Công tác thực hiện chế độ, chính sách, thi đua - khen thưởng, nâng lương, nâng ngạch cho công chức, viên chức và người lao động được thực hiện đúng quy định, kịp thời, bảo đảm quyền lợi của người lao động.

Công tác thi đua - khen thưởng có nhiều đổi mới, đạt kết quả tích cực, phát huy tốt vai trò của các cấp ủy đảng, các khối thi đua và các tổ chức đoàn thể trong cơ quan; động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động xác định rõ trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tích cực tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

Nhiệm kỳ khóa XIII cũng đánh dấu sự vươn lên vượt bậc trong công tác thông tin, tuyên truyền về các hoạt động của Quốc hội với sự ra đời của Kênh truyền hình Quốc hội Việt Nam. Đây là một kênh tin tức chuyên biệt trên truyền hình về Quốc hội, thường xuyên cung cấp thông tin, tình hình hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội tới cử tri và công chúng. Cổng thông tin điện tử của Quốc hội cũng đã được xây dựng nhằm tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức của Quốc hội trên internet, kết nối mạng thông tin của Quốc hội với các Đoàn đại biểu Quốc hội và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Căn cứ vào quy định về chức năng và nhiệm vụ được giao, các vụ, đơn vị trong Văn phòng Quốc hội đã tích cực đổi mới phương thức, lề lối phục vụ các mặt hoạt động của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội. Lãnh đạo Văn phòng Quốc hội đã duy trì thường xuyên, có chất lượng các cuộc giao ban với đại diện lãnh đạo các vụ, đơn vị; tổ chức họp triển khai nhiệm vụ, nắm tình hình công tác khi cần thiết. Đã bảo đảm các điều kiện, phương tiện và cung cấp thông tin, tư liệu cho cán bộ, công chức Văn phòng nghiên cứu, phục vụ công việc. Cán bộ, công chức có tinh thần trách nhiệm; tận tụy, chủ động, sáng tạo trong việc tham mưu, phục vụ, có ý thức học tập, nghiên cứu để nâng cao năng lực công tác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất chính trị để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Văn phòng Quốc hội đã xây dựng và tổ chức quán triệt, triển khai cho cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc các quy chế: Quy chế văn hoá công sở, Quy chế dân chủ ở cơ quan, Quy chế thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng.



4.2.2. Những đổi mới về tổ chức của các Ban, Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội

a) Ban dân nguyện

Về cơ cấu tổ chức, Ban dân nguyện khoá XIII gồm có đồng chí Trưởng Ban - là Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội (được bầu giữa nhiệm kỳ), có 04 Phó Trưởng Ban, trong đó có 03 Phó Trưởng Ban là đại biểu Quốc hội. Các đồng chí lãnh đạo Ban dân nguyện đều là những người đã có nhiều năm công tác tại cơ quan của Quốc hội, cơ quan tư pháp, thanh tra và có kinh nghiệm hoạt động trong công tác dân nguyện. Nhiệm kỳ này, số lượng lãnh đạo Ban được bổ sung thêm 02 đại biểu Quốc hội. Do đó, hoạt động giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo và giải quyết kiến nghị của cử tri được thực hiện thường xuyên hơn, có hiệu quả hơn.

Để tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm nâng cao chất lượng công tác dân nguyện của Quốc hội, ngày 17-3-2016, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban dân nguyện¹. Theo đó, Ban dân nguyện là cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội về công tác dân nguyện, có nhiệm vụ, quyền hạn như: Giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc tổ chức công tác tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật về tiếp công dân; tổ chức việc tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân gửi đến Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và Ban dân nguyện để nghiên cứu. Khi cần thiết, chuyển đơn, thư đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, trả lời công dân. Tổng hợp, phân loại, chuyển ý kiến, kiến nghị của cử tri đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng báo cáo

1. Nghị quyết số 1156/2016/UBTVQH13 ngày ngày 17-3-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban dân nguyện.



tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp Quốc hội; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri. Giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri, tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và xây dựng báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri để trình Quốc hội; tham mưu, giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức và tiến hành các hoạt động giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội; giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội xây dựng báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân để trình Quốc hội; tổng hợp kết quả tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn, thư và kết quả giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, định kỳ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội...

Nhiệm kỳ khóa XIII, mặc dù trong điều kiện còn nhiều khó khăn cả về khách quan và chủ quan; khối lượng công việc ngày càng nhiều, yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao, tập thể Ban dân nguyện đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng trong công tác dân nguyện, đóng góp một phần vào kết quả chung hoạt động của Quốc hội.

Việc tiếp công dân cơ bản đạt được các yêu cầu đặt ra. Ban dân nguyện đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ thường trực tiếp công dân của Quốc hội; công tác phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, với Ban tiếp công dân của trung ương và các cơ quan hữu quan được tăng cường. Công tác tổ chức tiếp công dân phục vụ các kỳ họp của Quốc hội đạt kết quả tốt. Việc tiếp nhận, cập nhật, phân loại đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện tích cực, bảo đảm chuyển đơn, thư đến Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Ban công tác đại biểu được kịp thời, không để tồn đọng. Công tác xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân được triển khai thường xuyên; việc giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.



Công tác tổng hợp kiến nghị của cử tri đã từng bước được cải tiến; chất lượng được nâng lên, trong đó có việc đánh giá kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền. Công tác phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri được quan tâm kịp thời và phản ánh đầy đủ những vấn đề mà cử tri và Nhân dân quan tâm. Hoạt động giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri đã được đẩy mạnh, đánh giá khá toàn diện việc giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri, đi sâu phân tích những tồn tại, bất cập về những vấn đề nổi lên mà cử tri bức xúc kiến nghị trong nhiều kỳ họp Quốc hội, từ đó, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới chính sách, pháp luật cho phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Kết quả giám sát được đông đảo cử tri và Nhân dân hoan nghênh, đồng tình, ủng hộ, góp phần nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cử tri và Nhân dân cả nước.

b) Ban công tác đại biểu

Trong nhiệm kỳ khóa XIII, Ban công tác đại biểu đã có nhiều đổi mới về cơ cấu tổ chức như được tăng cường số Phó Trưởng Ban. Hiện nay, Ban gồm Trưởng Ban và 4 Phó Trưởng Ban. Trưởng Ban công tác đại biểu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, kiêm Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Các đồng chí lãnh đạo Ban công tác đại biểu đều là những người có kinh nghiệm trong hoạt động Quốc hội, Hội đồng nhân dân, công tác tổ chức cán bộ. Bộ máy giúp việc của Ban gồm Vụ công tác đại biểu và Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử. Hai cơ quan cấp vụ này tiếp tục được kiện toàn, bổ sung đã góp phần không nhỏ vào kết quả hoạt động của Ban công tác đại biểu nhiệm kỳ qua.

Có thể nói, trong nhiệm kỳ vừa qua, cùng với việc đổi mới về nhiều mặt trong công tác tổ chức, Ban công tác đại biểu đã tích cực tham mưu giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tăng cường công tác giám sát, hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; hướng dẫn hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội; giữ mối liên hệ giữa lãnh đạo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội với các đại biểu Quốc hội; tham mưu, đề xuất với Ủy ban thường vụ, Quốc hội về công tác quy hoạch cán bộ các cơ quan của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội...



c) Viện nghiên cứu lập pháp

Triển khai chủ trương “thành lập Viện nghiên cứu lập pháp của Quốc hội” đã nêu trong Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24-5-2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 14-9-2007, Trưởng Ban công tác đại biểu đã ra Quyết định thành lập Tổ xây dựng Đề án thành lập Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội¹. Sau đó, ngày 18-9-2007, Văn phòng Quốc hội đã ban hành Quyết định thành lập Nhóm giúp việc Tổ xây dựng Đề án này². Việc thành lập Viện nghiên cứu lập pháp xuất phát từ thực tiễn nhiều vấn đề về tổ chức và hoạt động của Quốc hội cần được nghiên cứu làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn để góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, phúc đáp yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế, trong đó có việc xây dựng Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Viện nghiên cứu lập pháp sau khi được thành lập và đi vào hoạt động đã thu được những thành quả đáng trân trọng, góp phần không nhỏ vào kết quả của quá trình đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Cơ cấu tổ chức của Viện dần được hoàn thiện, hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao, tính chuyên môn hóa ngày càng sâu, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện ngày càng chủ động, linh hoạt, sáng tạo, sát sao hơn; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng thể hiện rõ hơn trách nhiệm trước công việc, ý thức đoàn kết, hợp tác ngày càng được nâng cao... là những tiền đề rất quan trọng để Viện nghiên cứu lập pháp hoàn thành trọng trách được giao.

Để tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Viện, ngày 09-10-2015, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết

1. Quyết định số 201/QĐ-BCTĐB ngày 14-9-2007 của Ban công tác đại biểu về việc thành lập Tổ xây dựng Đề án thành lập Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Quyết định số 620/QĐ-VPQH ngày 18-9-2007 của Văn phòng Quốc hội về việc thành lập Nhóm giúp việc Tổ xây dựng Đề án thành lập Viện nghiên cứu lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội.



về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu lập pháp¹. Theo đó, Viện nghiên cứu lập pháp là cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội có chức năng nghiên cứu khoa học lập pháp, tổ chức thông tin khoa học lập pháp để tham mưu chính sách, tư vấn, hỗ trợ, phục vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu Quốc hội trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội; giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội và Văn phòng Quốc hội. Để thực hiện chức năng nêu trên, cơ cấu tổ chức của Viện đã có bước đổi mới, trên cơ sở nâng cấp một số phòng và tiếp nhận Tạp chí nghiên cứu lập pháp từ Văn phòng Quốc hội, Viện nghiên cứu lập pháp hiện có 05 đơn vị tương đương cấp vụ gồm: Trung tâm nghiên cứu khoa học lập pháp; Trung tâm thông tin khoa học lập pháp; Tạp chí Nghiên cứu lập pháp; Ban quản lý khoa học; Văn phòng Viện nghiên cứu lập pháp.

Viện nghiên cứu lập pháp có các nhiệm vụ, quyền hạn như: Nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu để tham mưu, phục vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu Quốc hội; chủ động hoặc theo yêu cầu của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu Quốc hội thực hiện nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn những vấn đề liên quan đến việc Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước; tư vấn, hỗ trợ đại biểu Quốc hội trong việc thực hiện quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh và dự án luật, dự án pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; chủ động hoặc theo yêu cầu của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội tổ chức cung cấp thông tin khoa học lập pháp, kết quả nghiên cứu khoa học để phục vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu Quốc hội thực

1. Nghị quyết số 1050/2015/UBTVQH13 ngày 09-10-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện nghiên cứu lập pháp.



hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tiếp nhận, quản lý, khai thác, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học lập pháp, tài liệu, sản phẩm chứa đựng thông tin khoa học lập pháp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để cung cấp phục vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội; xuất bản Tạp chí Nghiên cứu lập pháp để đăng tải, cung cấp, trao đổi thông tin lý luận, khoa học lập pháp và tuyên truyền, phổ biến thông tin khoa học lập pháp, thực tiễn lập pháp và về văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành...

4.2.3. Việc thành lập chức danh Tổng thư ký Quốc hội

Điều 98 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định: “Tổng thư ký Quốc hội do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Tổng thư ký Quốc hội có trách nhiệm tham mưu, phục vụ hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội”. Tổng thư ký Quốc hội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu cho Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình làm việc của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; về quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng dự thảo nghị quyết về các nội dung do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao; là người phát ngôn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức công tác cung cấp thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện, bảo tàng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội; tổ chức các nghiệp vụ thư ký tại kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; tập hợp, tổng hợp các ý kiến của đại biểu Quốc hội; ký biên bản kỳ họp, biên bản phiên họp; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao.

Thực hiện quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã quyết định bầu chức danh Tổng thư ký Quốc hội để thực hiện chức năng tham mưu, phục vụ hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội từ ngày 01-01-2016. Có thể nói, đây là



bước phát triển mới nhằm tổ chức lại các hoạt động hỗ trợ, phục vụ hoạt động Quốc hội theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của bộ máy giúp việc của Quốc hội trong việc góp phần vào những thành công trong hoạt động của Quốc hội.

4.2.4. Văn phòng giúp việc Đoàn đại biểu Quốc hội

Trong phần lớn thời gian của nhiệm kỳ khóa XIII, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân là cơ quan giúp việc của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, giúp việc và phục vụ các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, lãnh đạo Đoàn và các đại biểu Quốc hội tại địa phương cũng như tại các kỳ họp Quốc hội. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã giúp các Đoàn đại biểu Quốc hội thực hiện tốt công tác phối hợp tham gia xây dựng pháp luật, giám sát, tổ chức tiếp xúc cử tri, gắn kết, phối hợp chặt chẽ với hoạt động của Hội đồng nhân dân và các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương; tham gia thực hiện tốt công tác xã hội; giữ mối liên hệ công tác, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan ở trung ương.

Tuy nhiên, qua thực tế hoạt động, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã bộc lộ một số hạn chế về tổ chức cũng như phương thức hoạt động. Để khắc phục những hạn chế đó, đồng thời triển khai thực hiện Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, ngày 22-12-2015, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹. Theo đó, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của các đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội trực thuộc Văn phòng Quốc hội, có các nhiệm vụ như: Tham mưu, tổ chức

1. Nghị quyết số 1097/2015/UBTVQH13 ngày 22-12-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.



phục vụ Đoàn đại biểu Quốc hội thảo luận về dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác, dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội theo yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đại biểu Quốc hội thực hiện quyền trình dự án luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh; tham mưu, tổ chức phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội; thực hiện chỉ đạo của Đoàn đại biểu Quốc hội trong phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội tại địa phương; tham mưu, tổ chức phục vụ đại biểu Quốc hội trong việc tiếp xúc cử tri; giúp Đoàn đại biểu Quốc hội tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; tham mưu, tổ chức phục vụ đại biểu Quốc hội trong việc tiếp công dân và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân gửi đến đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân do đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; phối hợp phục vụ hoạt động của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội; giúp đại biểu Quốc hội tham gia hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội mà đại biểu là thành viên và các hoạt động khác của các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; giúp Đoàn đại biểu Quốc hội xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hằng tháng, hằng quý, 06 tháng và cả năm; báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình hoạt động của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội 06 tháng, cả năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban thường vụ Quốc hội...

Việc thành lập các Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội là một đơn vị trực thuộc Văn phòng Quốc hội nhằm bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức bộ máy tham mưu, phục vụ Quốc hội nói chung, các Đoàn đại biểu Quốc hội nói riêng; tăng cường tính chuyên nghiệp, học hỏi, truyền đạt kinh nghiệm và hiệu quả tham mưu, phục vụ, đồng thời khắc phục những bất cập về tổ chức và hoạt động.



III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ TỔ CHỨC QUỐC HỘI CẦN TIẾP TỤC KẾ THỪA, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN TRONG NHIỆM KỲ QUỐC HỘI KHÓA XIV VÀ CÁC KHÓA TIẾP THEO

1. Về đại biểu Quốc hội

Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII đã kết thúc, nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV mới bắt đầu và đang hoạt động trong bối cảnh đất nước tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng. Với vị trí là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với Quốc hội trong thời gian tới là rất nặng nề. Để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, cần tập trung thực hiện một số vấn đề sau đây:

1.1. Tiếp tục phát huy vai trò của đại biểu Quốc hội - hạt nhân trung tâm trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội

- Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, bảo đảm tính chuyên trách, chuyên nghiệp:

Nhìn chung, từ cuối khóa VII đến nay, Quốc hội đã từng bước đổi mới trong quy trình, thủ tục đăng ký phát biểu, thảo luận, tranh luận tại kỳ họp Quốc hội. Theo đó, hầu như không còn tình trạng đại biểu phát biểu ý kiến phải viết thành văn bản, xin ý kiến Trưởng Đoàn và nộp trước cho Đoàn thư ký kỳ họp như trước đây.

Hoạt động của đại biểu Quốc hội là hoạt động của chủ thể đặc biệt, vừa mang tính nhà nước, vừa mang tính xã hội bởi tính đại diện và địa vị pháp lý của đại biểu Quốc hội. Do đó, để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, cần tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội tái cử để phát huy kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động đại biểu mà các đại biểu tích lũy được sau mỗi nhiệm kỳ. Đồng thời, tiếp tục tăng cường đại biểu Quốc hội chuyên trách (lên khoảng 50% trong tổng số đại biểu Quốc hội) để vừa từng bước hình thành một Quốc hội chuyên nghiệp, vừa bảo đảm tính khách quan trong hoạt động của Quốc hội. Coi trọng



chất lượng đại biểu để nâng chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, giảm số lượng đại biểu công tác tại các cơ quan trong bộ máy hành pháp và tư pháp, tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội là các nhà khoa học, đại biểu có trình độ, năng lực và điều kiện hoạt động Quốc hội. Mỗi đại biểu Quốc hội cũng phải tự nâng cao kỹ năng hoạt động đại biểu của mình trong phát biểu, thảo luận, giám sát, chất vấn và thu thập, xử lý thông tin. Bởi vì, kỹ năng quan trọng tạo nên sự khác biệt của đại biểu là việc tạo nên cơ sở dữ liệu riêng có và năng lực sử dụng đúng lúc các thông tin cần thiết rút ra từ cơ sở dữ liệu đó¹. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về chế độ và các điều kiện bảo đảm để đại biểu thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Có cơ chế thích hợp để đánh giá kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội. Ví dụ như đại biểu Quốc hội nên có kế hoạch hoặc chương trình hành động theo năm và báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình của mình. Qua đó, làm cơ sở để cử tri giám sát hoạt động của đại biểu Quốc hội.

Bên cạnh đó, mỗi đại biểu khi vào Quốc hội đều được đào tạo và có vốn hiểu biết liên quan đến từng lĩnh vực, ngành cụ thể. Để có thể có những ý kiến đóng góp lớn, sắc sảo trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của đại biểu thì mỗi đại biểu cần không ngừng trau dồi kiến thức, kỹ năng, nâng tầm bản lĩnh, nghiêm túc coi hoạt động phản ánh kiến nghị của cử tri và phản ánh những bức xúc trong xã hội vào nghị trường Quốc hội là một nhiệm vụ quan trọng. Hơn nữa, đại biểu cần làm tốt hơn nữa trách nhiệm đại diện, thay mặt cử tri cùng Quốc hội tìm ra nguyên nhân, giải pháp cho các bức xúc chính đáng của cử tri. Từ đó, phẩm chất, năng lực chuyên môn của đại biểu Quốc hội được chứng minh và được cử tri ghi nhận, tạo niềm tin cho cử tri, Nhân dân.

- Bảo đảm tính chuyên trách, chuyên nghiệp của đại biểu Quốc hội

Qua các khóa Quốc hội, cơ cấu đại biểu Quốc hội, trình độ của đại biểu Quốc hội ngày càng được nâng cao với tính chất Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất thì chất lượng cơ

1. Nguyễn Ngọc Trân: *Một chặng đường của Quốc hội qua trải nghiệm của một đại biểu*, Kỷ yếu Hội thảo cấp quốc gia “Quốc hội Việt Nam: 70 năm hình thành và phát triển”, Hà Nội ngày 08-12-2015.



cấu, khả năng, bản lĩnh, năng lực hoạt động đại biểu của đại biểu Quốc hội đã và đang đặt ra những yêu cầu đổi mới cần tiếp tục nghiên cứu.

Trước hết, về chất lượng cơ cấu đại biểu Quốc hội: Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội các khóa XI, XII, XIII, XIV cho thấy, xét trên phương diện cơ cấu, các đại biểu Quốc hội được bầu đã bảo đảm các thành phần cơ cấu về giới, dân tộc, địa bàn, nghề nghiệp. Tuy nhiên, xét trên phương diện chất lượng đại biểu, thành phần đại biểu thì Quốc hội vẫn chưa khắc phục được mâu thuẫn tồn tại lâu nay. Đó là: Nếu thiên về cơ cấu đại biểu thì sẽ khó bảo đảm chất lượng đại biểu; nếu thiên về chất lượng đại biểu thì sẽ khó bảo đảm cơ cấu đại biểu. Mấu chốt của vấn đề nằm ngay trong chế độ và phương thức bầu cử đại biểu Quốc hội hiện nay.

Đặc điểm về tính đại diện của đại biểu Quốc hội có liên quan đến thành phần của đại biểu. Bên cạnh việc bảo đảm cơ cấu, thành phần đại biểu thuộc mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo, địa bàn, lĩnh vực hoạt động xã hội... có đại diện của mình trong Quốc hội thì điều quan trọng hơn đó là năng lực đại diện của đại biểu. Do đó, không nên quan niệm rằng, cứ có một đại diện nông dân trong Quốc hội thì đã thực hiện được sự đại diện cho giai cấp nông dân, cũng như không phải cứ có một nhà khoa học trong Quốc hội thì đã đại diện cho tầng lớp trí thức trong Quốc hội. Vấn đề là người đại biểu Quốc hội, bên cạnh thành phần xuất thân còn phải thực hiện được năng lực đại diện đó như thế nào? Điều này phụ thuộc vào cái tâm, cái trí, cái dũng trong thực hiện tính đại diện của đại biểu Quốc hội. Như vậy, cơ cấu đại biểu Quốc hội và năng lực đại diện của đại biểu Quốc hội có quan hệ mật thiết với nhau và việc chú trọng đến năng lực đó mới bảo đảm được tính đại diện thực chất, tránh được tính hình thức trong việc xác định cơ cấu đại biểu Quốc hội như hiện nay.

Việc một bộ phận đại biểu các cơ quan, tổ chức trung ương được giới thiệu về ứng cử đại biểu ở địa phương là cần thiết. Song, do phương thức hoạt động và tính chất công việc mà các đại biểu trung ương đang đảm nhận rất khó bảo đảm sự gắn kết một cách thường xuyên giữa các đại biểu trung ương với các cử tri thuộc đơn vị bầu cử mà đại biểu được bầu. Chỉ thông qua hai cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp, đại biểu trung ương trong thành phần các đoàn đại biểu Quốc hội khó có thể nắm bắt đầy đủ, khách quan tâm tư, nguyện vọng,



ý chí và lợi ích của cử tri mà họ đại diện. Do vậy, các đại biểu này sẽ rất khó thực hiện được đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trước cử tri, mang lại lợi ích thiết thực cho cử tri - những người bầu ra đại biểu - để từ đó củng cố niềm tin của cử tri đối với đại biểu.

Quốc hội nước ta không hoạt động thường xuyên nên phần lớn là đại biểu kiêm nhiệm các chức vụ trong bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể xã hội và các doanh nghiệp. Sự kiêm nhiệm này là cần thiết nhưng chỉ nên ở một mức độ, tỷ lệ phù hợp mới có thể khắc phục được sự “chồng chéo” trong vai trò “đại biểu” và “quan chức”, vừa “đá bóng” vừa “thối còi”¹. Mặt khác, Luật tổ chức Quốc hội hiện hành quy định tỷ lệ 35% đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách nhưng nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động lại chưa rõ ràng. Đại biểu chuyên trách hoạt động trong các cơ cấu của Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, nhưng trong các kỳ họp và các kỳ tiếp xúc cử tri, đại biểu lại hoạt động theo Đoàn. Do vậy, đại biểu chuyên trách ở trong hoàn cảnh vừa là người của các Ủy ban vừa là thành viên của các Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương. Đây là đặc thù của Quốc hội Việt Nam, vì thế yêu cầu cần phải có cơ chế hoạt động sao cho phù hợp và làm rõ được trách nhiệm của đại biểu Quốc hội.

Thứ hai, về cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội: Cơ cấu và chất lượng đại biểu Quốc hội là hai mặt của một vấn đề, làm thế nào để hài hòa giữa chất lượng với cơ cấu đại biểu vừa là yêu cầu thay đổi về chất đối với Quốc hội, vừa là đòi hỏi của cử tri. Để giải quyết tốt mối quan hệ này, Quốc hội cần phải bám sát và giải quyết ngay từ quá trình tiến hành hiệp thương bầu cử đại biểu Quốc hội. Để chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV, Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIII yêu cầu cần bảo đảm cơ cấu với chất lượng người ứng cử dồi dào về số lượng, có cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác ở cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, giảm hợp lý số đại biểu công tác tại cơ quan hành pháp, tư pháp; tăng số lượng đại biểu chuyên trách; bảo đảm tỷ lệ người ứng

1. Lê Minh Thông: *Quốc hội và việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam theo tinh thần Hiến pháp năm 2013*, Kỷ yếu Hội thảo cấp quốc gia “Quốc hội Việt Nam: 70 năm hình thành và phát triển”, Hà Nội ngày 08-12-2015.



cử là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, đại biểu các tôn giáo, đại biểu tái cử, đại biểu trẻ tuổi, đại biểu là các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân, đại diện các hiệp hội, nghiệp đoàn về các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải bảo đảm được năng lực đại diện của họ tại Quốc hội. Theo Báo cáo của Hội đồng bầu cử quốc gia, tổng số đại biểu trúng cử là 496 người¹. Kết quả bầu cử² cơ bản bảo đảm mục tiêu kế hoạch đề ra, bảo đảm thành phần, cơ cấu đại biểu phù hợp với dự kiến, tỷ lệ đại biểu là phụ nữ, người dân tộc thiểu số, trẻ tuổi, trình độ trên đại học cao hơn so với nhiệm kỳ trước³ và đã phản ánh được tính đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân. Chất lượng đại biểu nâng lên sẽ là nền tảng góp phần xây dựng các cơ quan đại diện có đầy đủ năng lực hoạt động với chất lượng, hiệu quả hơn.

1. Báo cáo số 637/BC-HĐBCQG ngày 13-6-2016 của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu: Có 182 người trúng cử (tỷ lệ 36,7%). Cơ cấu cụ thể: Cơ quan Đảng: 12 người; Cơ quan Chủ tịch nước: 3 người; Cơ quan của Quốc hội: 104 người; Cơ quan của Chính phủ: 17 người; Cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên: 25 người; Tòa án nhân dân tối cao: 01 người; Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 01 người; Bộ Quốc phòng: 15 người; Bộ Công an: 03 người. Có 15 người do trung ương giới thiệu nhưng không trúng cử;

Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu: 312 người (tỷ lệ 62,9%);

Đại biểu tự ứng cử: 2 người (tỷ lệ 0,4%);

Đại biểu là người dân tộc thiểu số: 86 người (tỷ lệ 17,3%); thấp hơn 04 người so với dự kiến, nhưng cao hơn so với khóa XIII (78 người, tỷ lệ 15,6%);

Đại biểu là phụ nữ: 133 người (tỷ lệ 26,8%), thấp hơn 17 người so với số dự kiến, nhưng cao hơn so với khóa XIII (122 người, tỷ lệ 24,4%);

Đại biểu là người ngoài Đảng: 21 người (tỷ lệ 4,2%), thấp hơn so với dự kiến và thấp hơn so với khóa XIII (42 người, tỷ lệ 8,4%);

Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): 71 người (tỷ lệ 14,3%), cao hơn 21 người so với dự kiến và cao hơn so với khóa XIII (62 người, tỷ lệ 12,4%);

Đại biểu Quốc hội khóa XIII tái cử khóa XIV: 160 người (tỷ lệ 32,3%), bằng số đã dự kiến; thấp hơn so với khóa XIII (167 người, tỷ lệ 33,4%);

Đại biểu tham gia Quốc hội lần đầu: 317 người (tỷ lệ 63,9%);

Đại biểu đã từng là đại biểu Quốc hội các khóa trước: 19 người (tỷ lệ 3,83%);

Đại biểu tự ứng cử: 02 người (tỷ lệ 0,4%); thấp hơn với khóa XIII (04 người, tỷ lệ 0,8%).

3. Số đại biểu có trình độ trên đại học là 310 người chiếm 62,5%, cao hơn 16,7% so với khóa XIII (45,8%); đại học: 180 người (tỷ lệ 36,3%); dưới đại học: 06 người (tỷ lệ 1,2%).